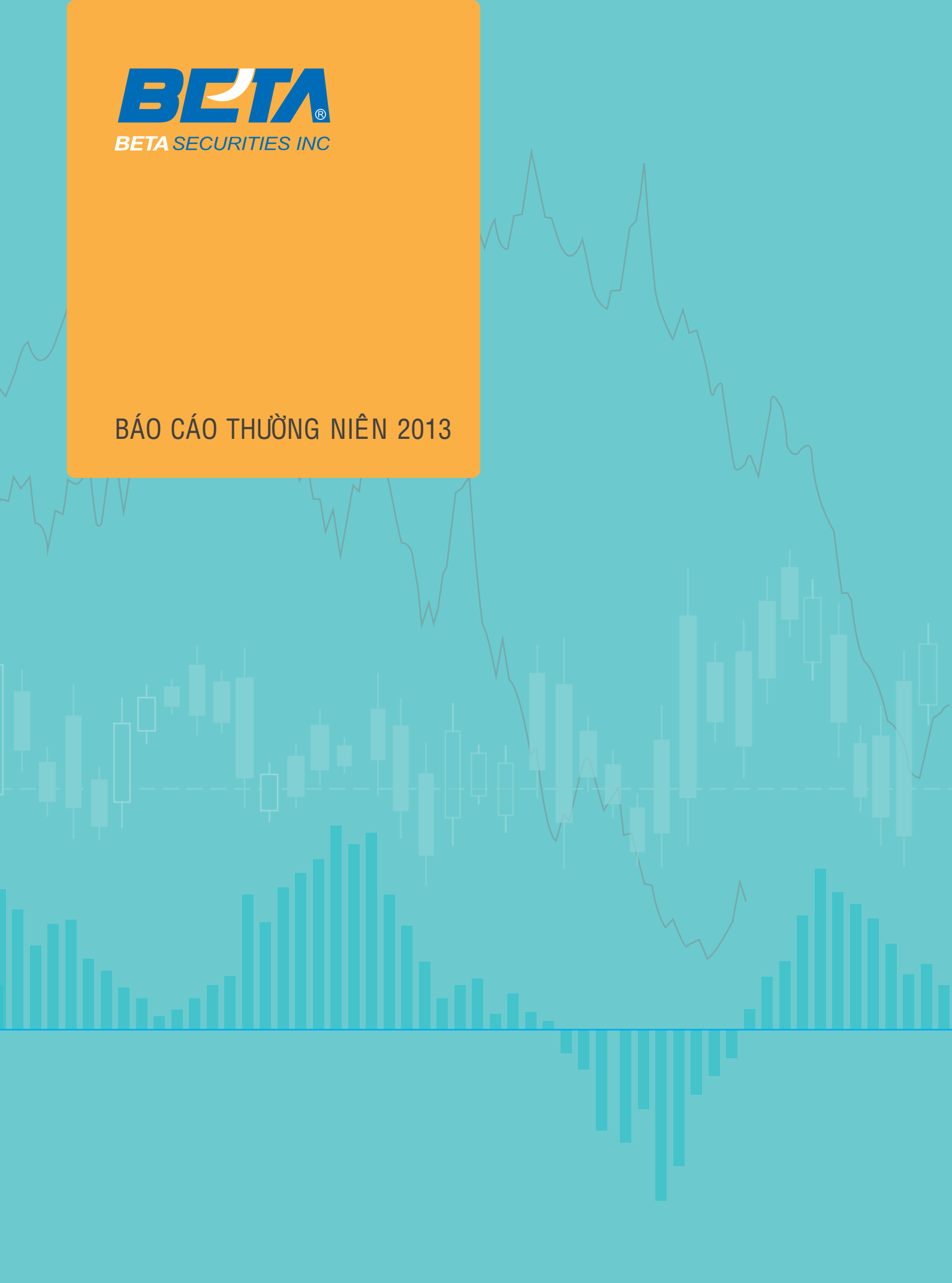




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

MỤC LỤC

- 5 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 6 Tổng quan về công ty
- 8 Cột mốc phát triển
- 12 Môi trường kinh doanh 2013
- 25 Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính 2013 của BSI
- 26 Kết quả hoạt động năm 2013 của BSI
- 32 Tình hình nhân sự
- 34 Định hướng phát triển 2014 của BSI
- 35 Một số chỉ tiêu tài chính kế hoạch 2014
- 36 Sơ đồ tổ chức
- 38 Hội đồng quản trị
- 40 Ban Kiểm soát
- 41 Ban Tổng Giám đốc
- 42 Báo cáo tài chính 2013



Nguyễn Văn Cựu - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Công ty cổ phần chứng khoán Beta

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác thân mến,

Lời đầu tiên, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) xin trân trọng tri ân Quý vị đã đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Năm 2013 vẫn là năm khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam mặc dù trong những tháng cuối năm đã xuất hiện các dấu hiệu phục hồi khả quan và tích cực. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc nhưng vẫn còn rất mờ nhạt. Qua một năm đầy khó khăn, quá trình thanh lọc tổ chức kinh doanh chứng khoán ngày càng khốc liệt với việc hàng loạt Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ phải dừng hoạt động, bị rút giấy phép hoặc đưa vào diện kiểm soát đặc biệt. Trong bối cảnh đó, BSI cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức lớn trong việc bảo toàn vốn và duy trì phát triển hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, với tiềm lực tài chính vững mạnh và lợi thế cạnh tranh sẵn có, BSI vẫn duy trì được đà phát triển ổn định, các hoạt động dịch vụ cung cấp cho khách hàng ngày càng chuyên nghiệp và các tiện ích ngày càng được chú trọng hơn. Thành quả đạt được từ việc nỗ lực của BSI là sự tin cậy, hài lòng của khách hàng và đối tác.

Năm 2014 là năm được dự báo thị trường tài chính sẽ có những bước phát triển tích cực hơn. Trước cơ hội mới này, BSI sẽ cố gắng phát huy mọi tiềm lực trong hoạt động kinh doanh để đạt được thành tựu lớn hơn, đáp ứng mong muốn gia tăng cổ tức của Cổ đông, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và tiếp tục khẳng định thương hiệu trên thị trường hướng tới mục tiêu đưa BSI trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Tôi đánh giá cao sự nỗ lực làm việc của đội ngũ nhân viên Công ty và đặc biệt là Ban điều hành trong việc duy trì sự phát triển ổn định của hoạt động kinh doanh trong một năm đầy khó khăn vừa qua. Thay mặt cổ đông Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và ghi nhận sâu sắc vì những đóng góp quý báu này của toàn thể nhân sự BSI. Đồng thời, tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác đã ủng hộ và gắn bó với BSI. Chúng tôi tin chắc rằng, trong năm 2014, BSI sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa và chúng tôi cũng tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng BSI trên con đường vươn xa đến những thành công mới. Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn và kính chào.



NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)

Hội sở: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: support@bsi.com.vn

Website: www.bsi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (BSI) được thành lập vào ngày 06/12/2007 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hiện nay, BSI đang hoạt động với số vốn điều lệ là 400 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Xác định giá trị doanh nghiệp

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thương hiệu và chất lượng dịch vụ.

SỨ MỆNH

- BSI xác định nguồn nhân lực làm nòng cốt, tạo dựng đội ngũ CBNV làm việc chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.
- BSI chú trọng tạo lập, duy trì sự tin cậy, hài lòng của khách hàng, đối tác và đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông.
- BSI hoạt động hướng đến lợi ích chung của xã hội.



Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

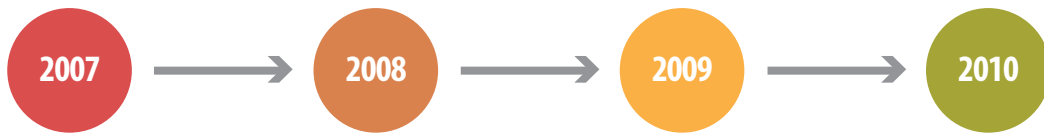
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **MINH BẠCH:** BSI hoạt động theo tiêu chí minh bạch và trung thực.
- **SÁNG TẠO:** BSI xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và không ngừng sáng tạo những giá trị mới cho khách hàng, đối tác và cổ đông.
- **TIN CẬY:** nền tảng kinh doanh của BSI là tạo dựng uy tín với khách hàng, đối tác và cổ đông.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

- BSI có tiềm lực tài chính mạnh.
- BSI có chiến lược phát triển bền vững.
- BSI hội tụ đội ngũ nhân sự chất lượng cao có tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp.
- BSI áp dụng công nghệ hiện đại và cung cấp dịch vụ chất lượng.

CỘT MỐC PHÁT TRIỂN



Ngày 06/12/2007:
BSI được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 135 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 16 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/7/2008:
Vốn điều lệ của BSI tăng từ 134 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

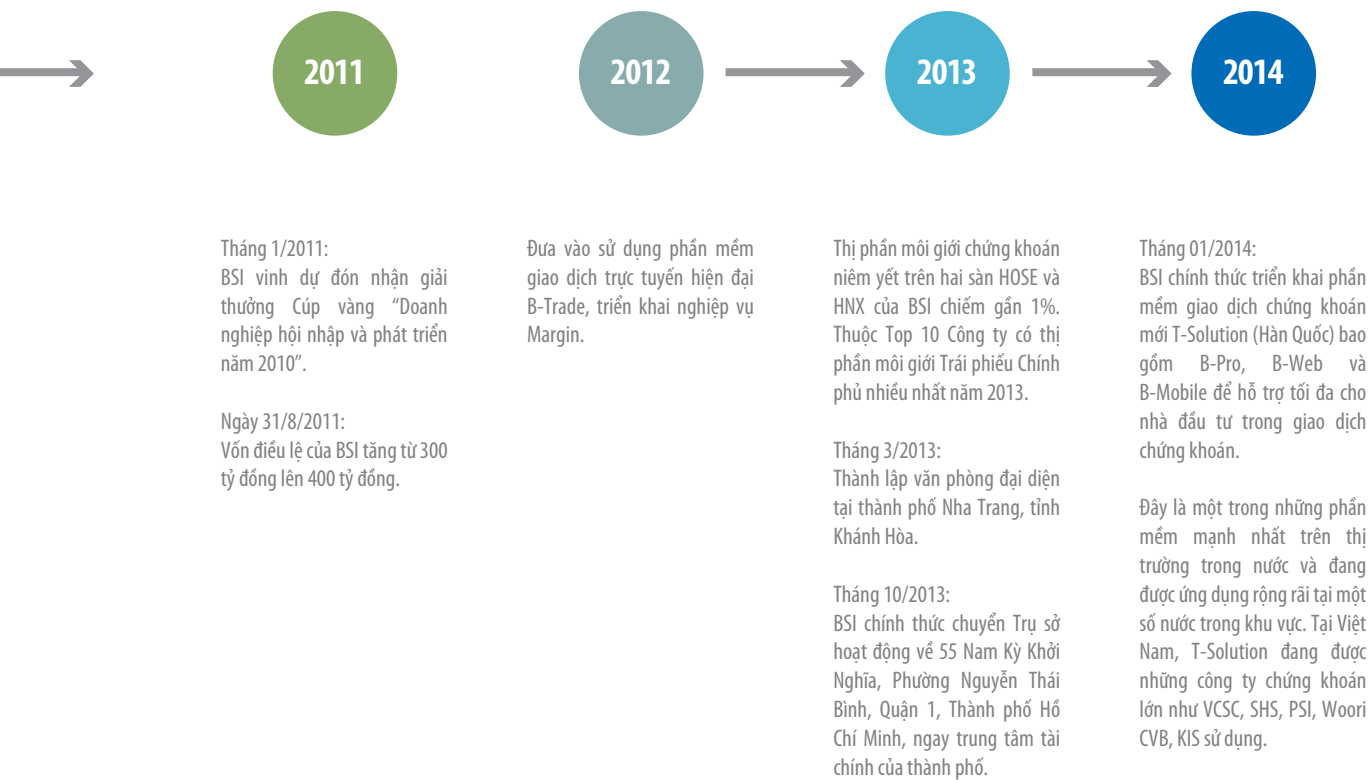
Ngày 28/8/2008:
BSI tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

Ngày 01/7/2009:
BSI chính thức triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến (Online Trading).

Ngày 08/10/2009:
BSI thành lập Chi nhánh Hà Nội tại số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 20/11/2009:
BSI chính thức triển khai các nghiệp vụ Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Xác định giá trị doanh nghiệp.

Ngày 14/10/2010:
BSI thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.





Hiểu được hai từ 'giá trị' đồng nghĩa với việc hiểu được ý nghĩa của thị trường

To know values is to know the meaning of the market

Charles Dow

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2013

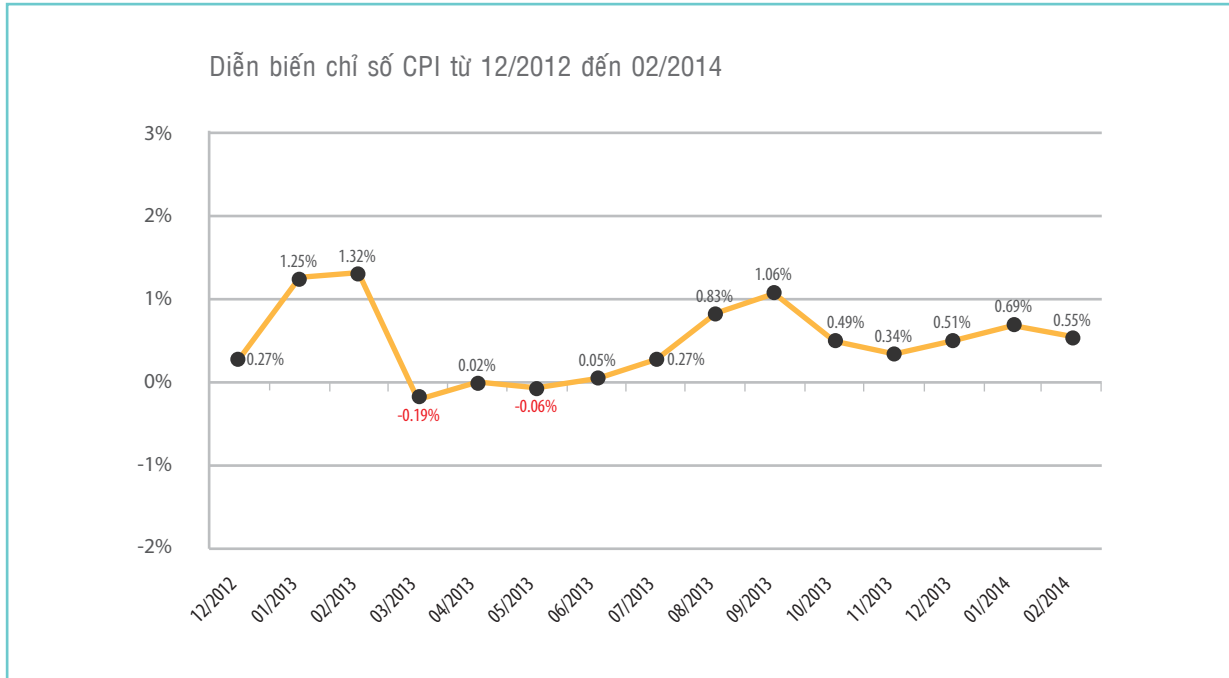
MÔI TRƯỜNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu với vai trò chủ đạo của những nền kinh tế lớn đã có những dấu hiệu hồi phục. Cuối năm 2013, chênh lệch lợi suất trái phiếu quốc gia của các nước đang phát triển mặc dù đã suy giảm nhưng vẫn ở mức tăng cao so với 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, nhìn chung kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Mặc dù triển vọng kinh tế đã có những cải thiện đáng kể nhưng các thị trường hàng hóa toàn cầu vẫn tiếp tục lắng xuống, trừ giá năng lượng. Việc giá lương thực và hàng hóa kim loại giảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập, xuất khẩu và thu ngân sách ở các quốc gia giàu tài nguyên. Các nước đang phát triển ở Đông Á sẽ tiếp tục duy trì vị thế đi đầu về tăng trưởng trên toàn cầu dựa vào nhiều nhân tố thuận lợi. Trong đó, rất đáng chú ý là những nỗ lực hiện nay của Nhật Bản nhằm tái thiết nền kinh tế của nước này sẽ có những tác động lan tỏa tích cực. Bên cạnh đó, tiếp tục hiện hữu các bất lợi và rủi ro như (1) việc rút dần các chính sách nới lỏng tiền tệ của Mỹ một cách thiếu tuần tự; (2) khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt; (3) và tình trạng suy giảm đầu tư dự kiến sẽ diễn ra mạnh hơn ở Trung Quốc.

NHỮNG DIỄN BIẾN GẦN ĐÂY CỦA KINH TẾ VIỆT NAM

Tình hình ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam đã có sự cải thiện nhất định, với việc duy trì mức lạm phát hợp lý và nền kinh tế cũng đạt được sự cân bằng đối ngoại với tài khoản vãng lai tiếp tục thặng dư. Chỉ số CPI nhìn chung đã được kiểm soát ổn định. Chỉ số lạm phát lõi (tức chỉ số lạm phát không bao gồm giá lương thực và năng lượng) có mức giảm chậm và không đột ngột. Áp lực đối với đồng Việt Nam cũng đã giảm một cách đáng kể. Cán cân ngoại thương và cán cân vốn mạnh mẽ hơn đã tạo điều kiện tăng dự trữ ngoại hối tới mức tương đương khoảng 3 tháng nhập khẩu. Mức độ rủi ro quốc gia ảnh hưởng tới chi phí hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS) của Việt Nam đã giảm xuống bằng các mức ghi nhận được tại thời điểm trước khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra vào năm 2009.

Mục tiêu duy trì một cách bền vững đà phục hồi tăng trưởng GDP vẫn còn gặp phải trở ngại do những cải cách cơ cấu còn diễn ra với tốc độ chậm và do mức độ không chắc chắn của tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Cầu trong nước ở Việt Nam vẫn còn yếu ớt. Về phía cung, các đánh giá so sánh khả năng cạnh tranh của các nước cho thấy rằng Việt Nam hiện



Biểu đồ 1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, cập nhật bởi BSI

đang bị suy giảm khả năng cạnh tranh so với các nền kinh tế có trình độ tương đương. Việc tiếp thêm sức lực cho tăng trưởng trong trung hạn đòi hỏi phải tiếp tục và tăng cường quan tâm tới một số cải cách cơ cấu – trong đó chú trọng vào hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước.

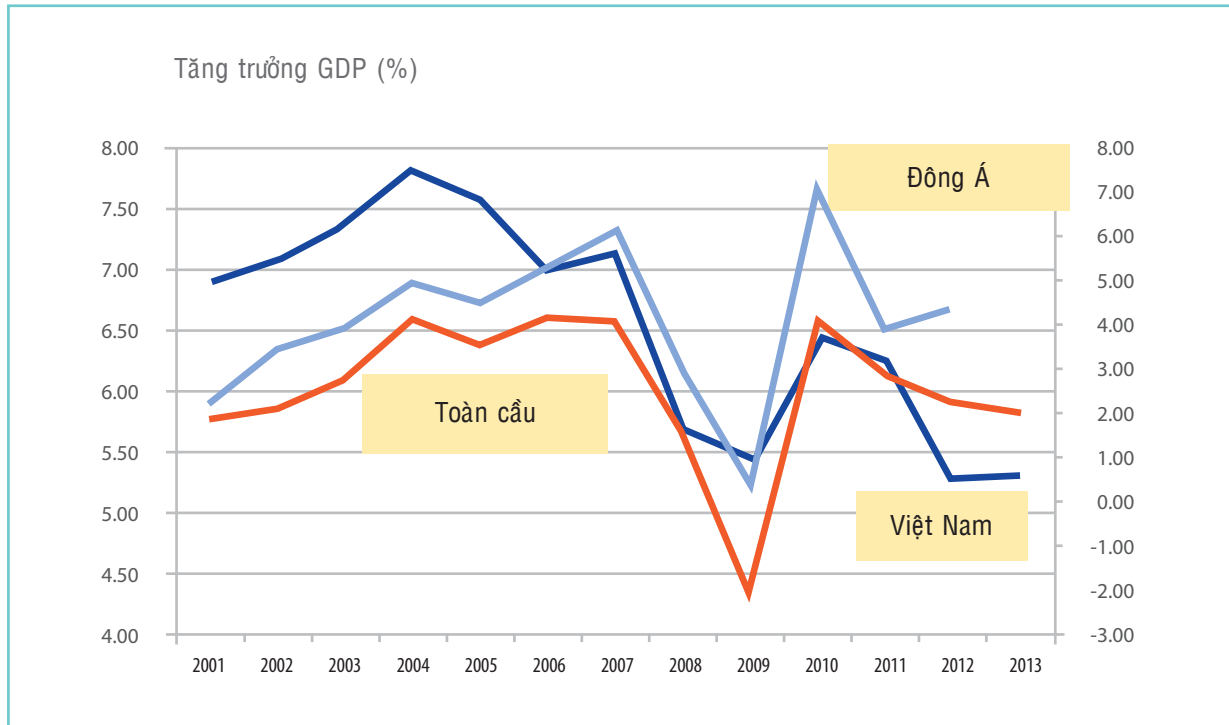
Dưới ảnh hưởng của những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Đồng thời ở trong nước, các khó khăn và bất cập chưa được giải quyết đã gây ra áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh: hàng tồn kho ở mức cao; sức mua yếu; tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại; nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, dừng hoạt động hoặc giải thể.

Năm 2013, nhìn chung kinh tế vĩ mô đã được củng cố nhưng vẫn còn những rủi ro và nguy cơ đang tồn tại: (1) tổng cầu của khu vực tư nhân vẫn còn yếu và rất dễ bị ảnh hưởng bởi bất kỳ diễn biến kinh tế tiêu cực nào; (2) tuy xác suất nhỏ nhưng vẫn còn rủi ro nữa là các cơ quan chức năng có thể buộc phải nới lỏng quan điểm chính sách tài khóa và tiền tệ thận trọng, để kích cầu khu vực tư nhân còn yếu; (3) đa cải cách cơ cấu có thể chậm lại, khiến cho tăng trưởng GDP tiếp tục ở mức thấp và làm giảm bền vững tài khóa; (4) khu vực ngân hàng có thể bị ảnh

hưởng trước những chuyển dịch về lòng tin của người gửi tiền và bảng cân đối tài sản của các ngân hàng yếu kém có khả năng tiếp tục xấu đi.

CPI tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng liền trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012 (biểu đồ 1) và là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,21% của năm 2012. Trong năm nay, CPI tăng cao vào quý I và quý III với mức tăng bình quân tháng là 0,8%; quý II và quý IV, CPI tương đối ổn định và tăng ở mức thấp với mức tăng bình quân tháng là 0,4%. Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng có chỉ số giá tháng 12/2013 so với tháng trước tăng cao nhất với mức tăng 2,31%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,57%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,49% (lương thực tăng 1,22%; thực phẩm tăng 0,38%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,17%); đồ uống và thuốc lá tăng 0,27%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,25%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,13%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08% (dịch vụ y tế tăng 0,02%); giáo dục tăng 0,02%.



Biểu đồ 2

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (10/2013), cập nhật bởi BSI

Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá giảm gồm: giao thông giảm 0,23%; bưu chính viễn thông giảm 0,01%.

Chỉ số giá tiêu dùng năm nay tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

(1) giá một số mặt hàng và dịch vụ do nhà nước quản lý được điều chỉnh theo kế hoạch và theo cơ chế thị trường. Trong năm có 17 tỉnh, thành phố điều chỉnh giá dịch vụ y tế làm cho CPI của nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 18,97% so với tháng 12 năm trước, đóng góp vào chỉ số chung cả nước gần 1,1%; các địa phương tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí làm làm CPI nhóm giáo dục tăng 11,71%, đóng góp vào chỉ số chung cả nước tăng khoảng gần 0,7%; giá xăng dầu được điều chỉnh tăng/giảm và cả năm tăng 2,18%, góp vào CPI chung cả nước mức tăng 0,08%; giá điện điều chỉnh tăng 10%, đóng góp vào CPI chung khoảng 0,25%. Bên cạnh đó, giá khí đốt cả năm tăng gần 5%, đóng góp vào CPI cả nước với mức tăng 0,08%; (2) nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của dân cư và tiêu dùng cho sản xuất tăng vào dịp cuối năm; (3) ảnh hưởng của thiên tai, mưa bão; (4) mức cầu trong dân yếu.

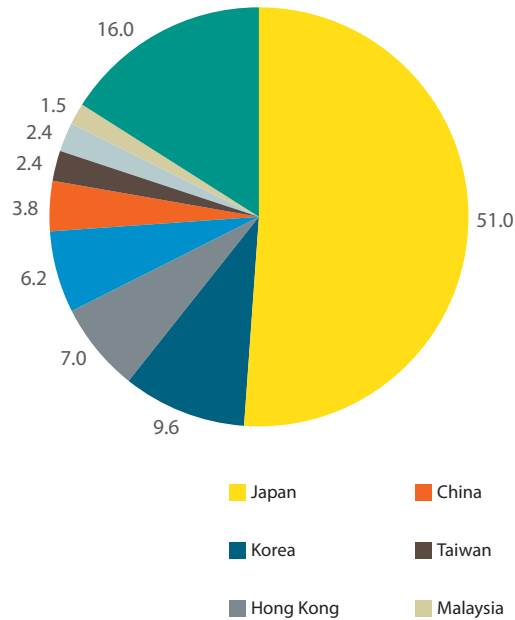
Tăng trưởng GDP đang chậm lại ở mức khiêm tốn

Tăng trưởng của Việt Nam đã theo xu hướng tăng trưởng của khu vực và toàn cầu kể từ năm 2001. Tình trạng phục hồi tăng trưởng GDP vẫn bị kìm hãm do chậm tái cơ cấu và tình trạng bất ổn toàn cầu. Việt Nam là một trong những nền kinh tế có độ mở nhất trên thế giới (xét theo tỷ lệ thương mại/GDP) và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng sản xuất trong khu vực. Do đó, nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu nhiều tác động trước tình hình phát triển kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

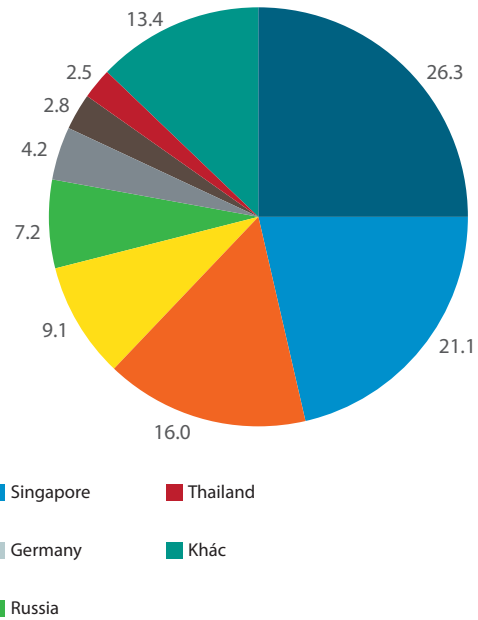
Mặc dù khu vực ngoại thương đã chống đỡ tốt, bất chấp bối cảnh ảm đạm của kinh tế thế giới nhưng cầu trong nước vẫn thấp do giảm niềm tin của khu vực tư nhân, tình trạng các khối ngân hàng và DNNN sử dụng đòn bẩy tài chính quá mức cùng với tình hình tài khóa khó khăn. Tổng sản phẩm trong nước năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%; quý IV tăng 6,04% (biểu đồ 2). Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Trong điều kiện kinh

Nguồn vốn FDI của Việt Nam 2012 - 2013

Nguồn vốn FDI của Việt Nam năm 2012 (%)
(Tổng vốn FDI năm 2012 đạt 16,3 tỷ USD)



Nguồn vốn FDI của Việt Nam năm 2013 (%)
(Tổng vốn FDI năm 2013 đạt 21,6 tỷ USD)



Biểu đồ 3

Nguồn: Ngân hàng AZN và dữ liệu của CEIC, cập nhật bởi BSI

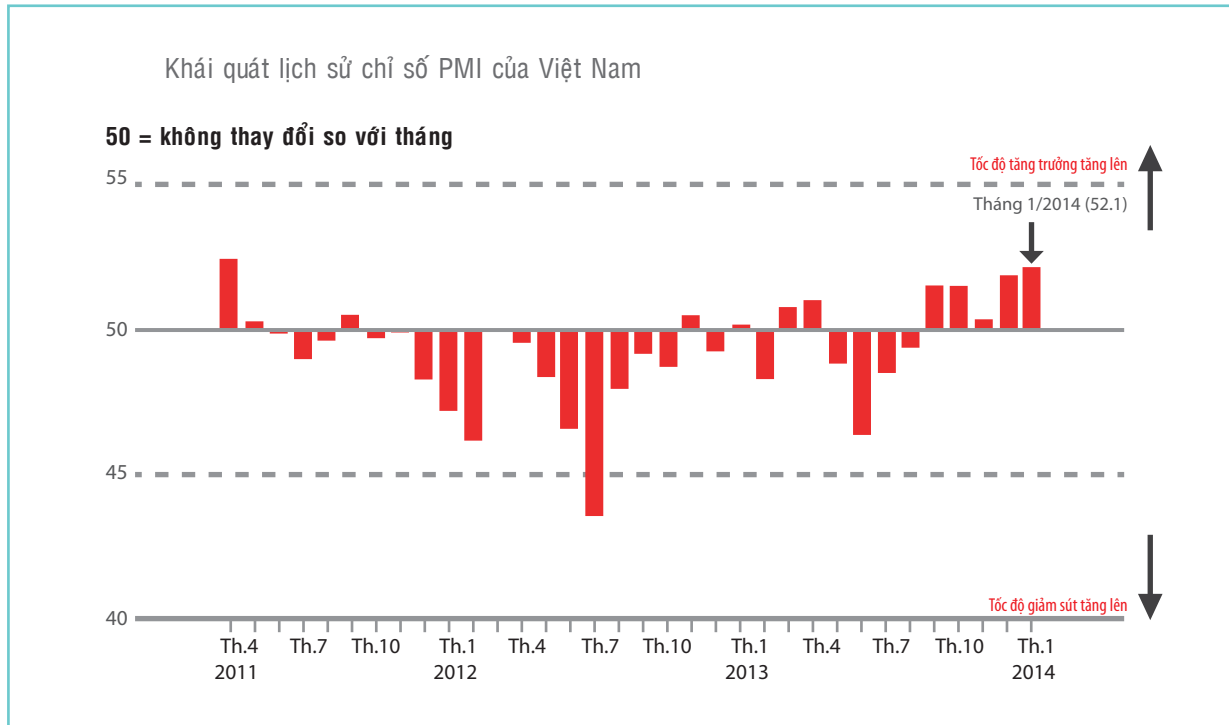
tế thế giới có nhiều bất ổn, sản xuất trong nước gặp khó khăn, lạm phát tăng cao. Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp thực hiện ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên đây là mức tăng hợp lý, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được chính phủ ban hành.

Thu hút nguồn vốn FDI vượt mục tiêu đề ra

Năm 2013, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cả nước tính đến giữa tháng 12/2013 ước đạt được 21,6 tỉ đô la Mỹ, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm ngoái - một kết quả vượt xa mục tiêu đề ra ban đầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Vốn FDI thực hiện năm 2013 ước tính đạt 11,5 tỉ đô la Mỹ, tăng 9,9% so với năm ngoái. Kết quả này chỉ nhỉnh hơn chút ít so với mục tiêu đề ra ban đầu của

Bộ KH-ĐT là có thể đạt khoảng 10,5- 11 tỉ đô la Mỹ. Vốn FDI năm 2013 cũng tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến - chế tạo với 16,6 tỉ đô la Mỹ, chiếm 76,9% tổng vốn đăng ký. Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 2 tỉ đô la Mỹ, chiếm 9,4%; và các ngành còn lại đạt 3 tỉ đô la Mỹ, chiếm 13,7%. Trong số 50 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư cấp phép mới vào Việt Nam năm nay, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất với hơn 3,75 tỉ đô la Mỹ, chiếm 26,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Singapore đạt hơn 3,014 tỉ đô la Mỹ, chiếm 21,1%; Trung Quốc khoảng 2,28 tỉ đô la Mỹ, chiếm 16%; Nhật Bản đạt gần 1,3 tỉ đô la Mỹ, chiếm 9,1%; Nga đạt hơn 1,02 tỉ đô la Mỹ, chiếm 7,2%, còn lại là đến từ các quốc gia khác (biểu đồ 3).



Biểu đồ 4

Nguồn: Markit và HSBC, cập nhật bởi BSI

PMI tiếp tục báo hiệu có sự cải thiện về điều kiện hoạt động trong lĩnh vực sản xuất

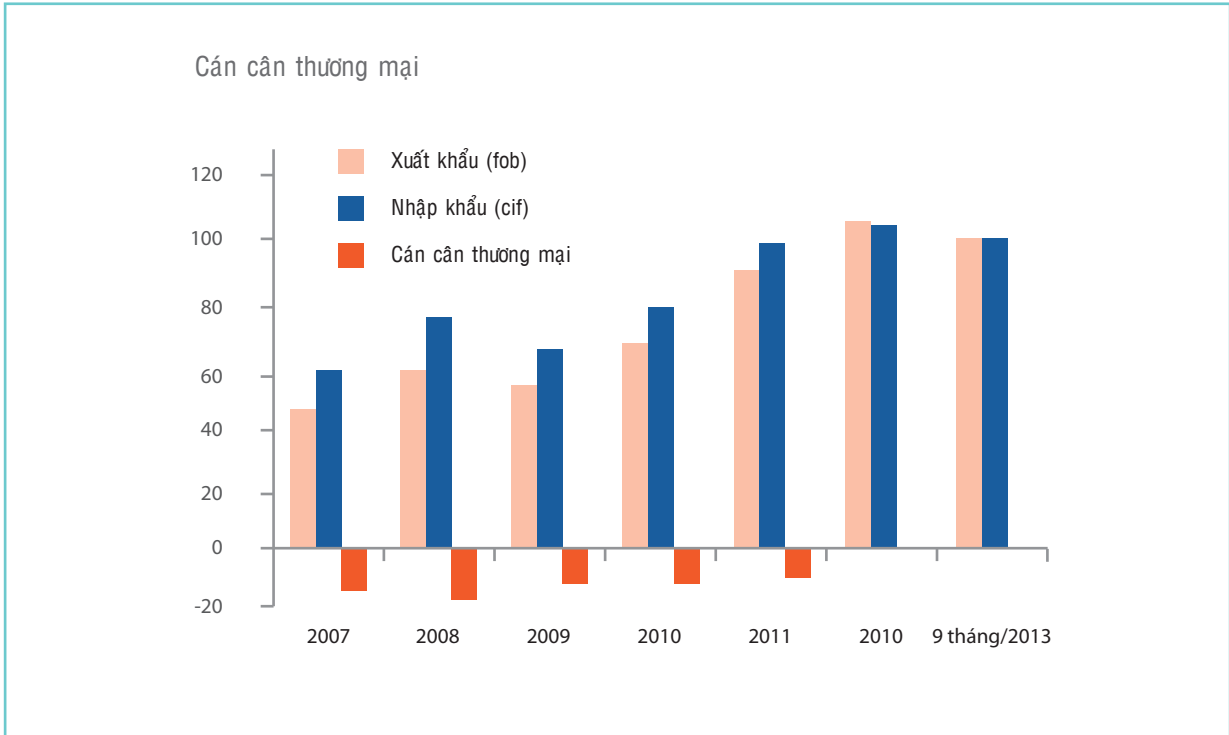
Theo kết quả khảo sát của HSBC đưa ra ngày 03/3/2014 chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam tiếp tục duy trì trên mốc 50 điểm kể từ tháng 9/2013. Trong đó, đạt 52,1 điểm trong tháng 01/2014, cao hơn so với 51,8 điểm trong tháng 12/2013. Đây cũng là chỉ số cao nhất trong hoạt động sản xuất tại Việt Nam trong gần 3 năm trở lại đây, chỉ thua mức kỷ lục hồi tháng 4/2011. Chỉ số PMI toàn phần được điều chỉnh theo mùa (một chỉ số tổng hợp được tạo ra nhằm khái quát các điều kiện hoạt động của ngành sản xuất) đã giảm từ mức 52,1 điểm trong tháng 01/2014 còn 51 điểm trong tháng 02/2014 (biểu đồ 4) nhưng vẫn báo hiệu có sự cải thiện về điều kiện hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 2 tiếp tục có sự cải thiện khi sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm được ghi nhận tiếp tục tăng. Việc thiếu hụt nguồn cung dẫn đến tăng chi phí đầu vào trong tháng, nhưng tốc độ tăng giá vẫn hầu như ổn định và các thành viên nhóm khảo sát không thay đổi giá cả đầu ra để gia tăng lượng đơn đặt hàng mới.

Lĩnh vực sản xuất tiếp tục là điểm sáng của Việt

Nam với sản lượng và việc làm cùng gia tăng. Tuy nhiên, nhu cầu yếu đi ở nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc, là một mối lo ngại rất đáng kể. Điều này có nghĩa là ngành sản xuất vẫn kỳ vọng sản lượng tiếp tục tăng trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới tăng và lượng hàng tồn kho giảm nhưng Việt Nam vẫn phải đối mặt với những lực cản mạnh.

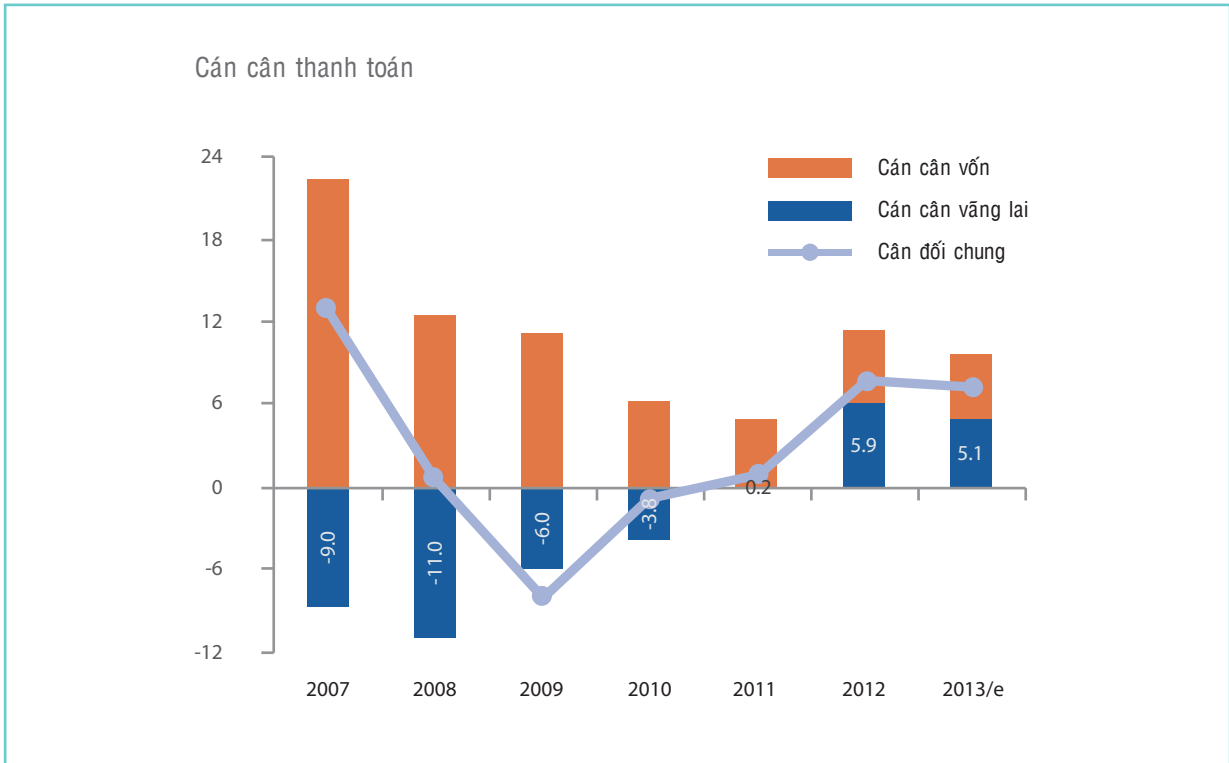
Cán cân thương mại và thanh toán thặng dư năm thứ 3 liên tiếp

Kết quả khả quan trong xuất khẩu và FDI đã góp phần giúp Việt Nam có thêm một năm có cán cân thương mại thuận lợi (biểu đồ 5a). Mặc dù nhập khẩu hồi phục và tăng nhanh trở lại, nhưng kim ngạch xuất khẩu tốt cộng với kiều hối tư nhân ổn định đã giúp tạo ra một cán cân thanh toán vãng lai thặng dư năm thứ ba liên tiếp. Cán cân thanh toán vãng lai của Việt Nam thặng dư tương đương với 0,2% GDP trong năm 2011 và đạt kỷ lục ở mức 5,9% GDP trong năm 2012, khoảng 6% trong nửa đầu năm 2013 và dự báo đạt 5,1% GDP trong năm 2013 (biểu đồ 5b). Thặng dư tài khoản vốn tiếp tục ở mức khá nhờ dòng vốn FDI ổn định và Việt Nam liên tục được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.



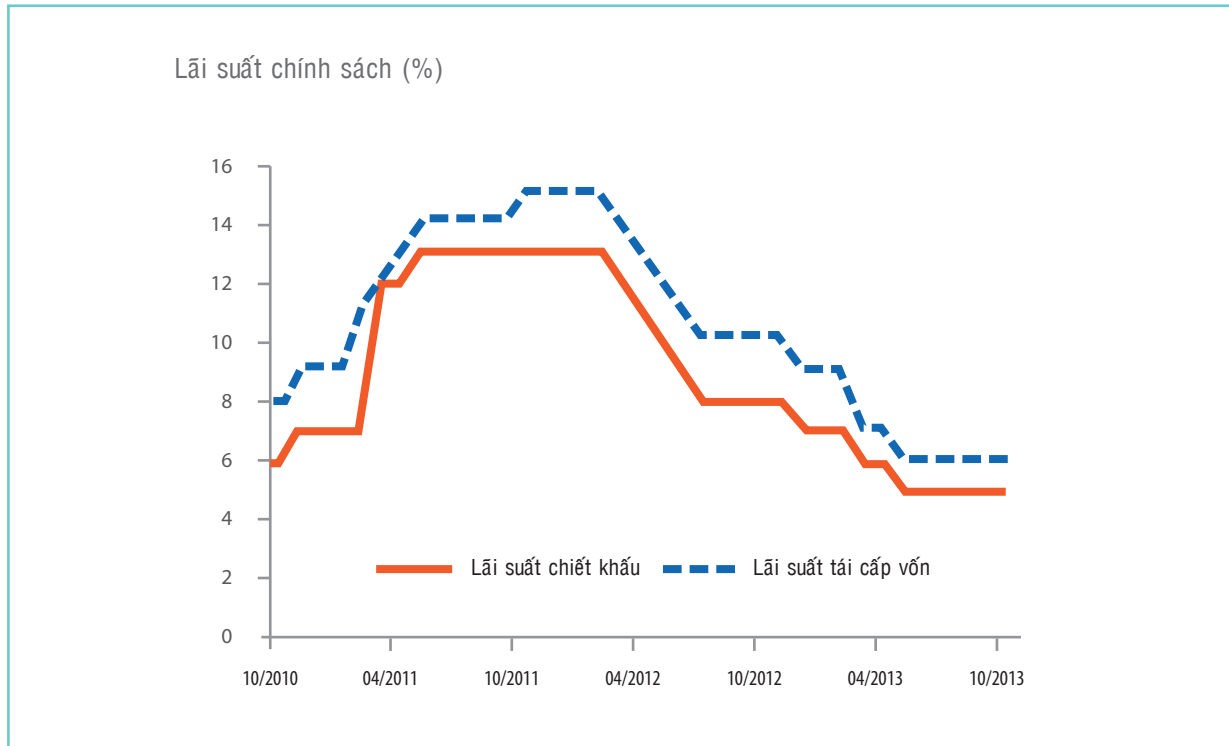
Biểu đồ 5a

Nguồn: NHNN Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, cập nhật bởi BSI



Biểu đồ 5b

Nguồn: NHNN Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, cập nhật bởi BSI



Biểu đồ 6a

Nguồn: NHNN Việt Nam, cập nhật bởi BSI

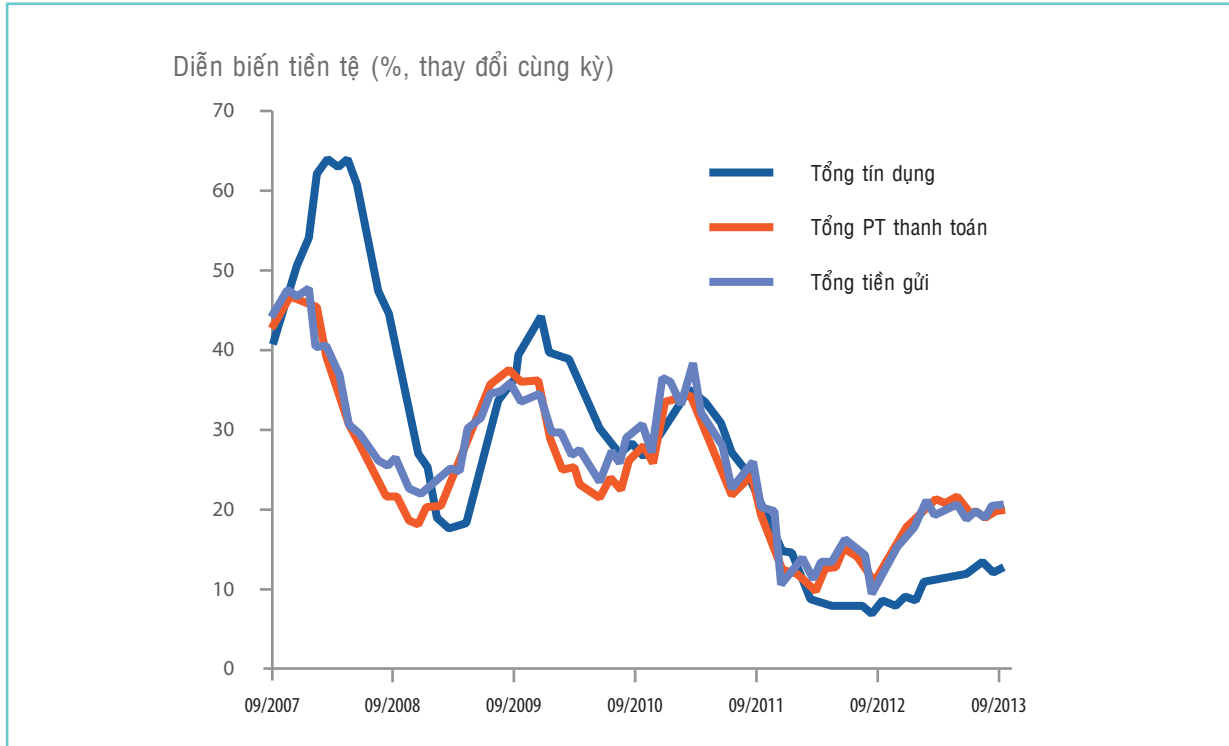
Ngoại tệ và tỷ giá ổn định nhưng tình trạng dễ bị tổn thương của hệ thống NH vẫn chưa được xử lý triệt để

Những thay đổi căn bản trong công tác điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) thời gian qua, đã bước đầu tạo lập sự ổn định vững chắc cho thị trường ngoại tệ và tỷ giá. Trong hơn 2 năm qua với chiến lược chủ động định hướng thị trường, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ một cách chặt chẽ, linh hoạt, hiệu quả phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô góp phần ổn định giá trị VND, kiểm soát kỳ vọng lạm phát góp phần quan trọng hỗ trợ điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối. Do đó, thị trường ngoại tệ và tỷ giá diễn biến ổn định, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp, hợp lý đều được đáp ứng đầy đủ thông qua hệ thống các tổ chức tín dụng. Các mức lãi suất điều hành và trần lãi suất huy động VND được điều chỉnh giảm phù hợp với diễn biến lạm phát (biểu đồ 6a, 6b).

Năm 2013, mặc dù đã nói lỏng đáng kể chính sách tiền tệ, nhưng tổng tín dụng cho nền kinh tế vẫn chỉ tăng khiêm tốn. Tổng tín dụng của toàn hệ thống

ngân hàng ước tính chỉ tăng khoảng 7,5% từ đầu năm đến tháng 11 năm 2013 so với chỉ tiêu đề ra là 12%. Cắt giảm lãi suất vẫn chưa thể thúc đẩy cho vay tới khu vực tư nhân hay các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang đối mặt với những khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Các hoạt động tín dụng chùng xuống khi mà các ngân hàng, với bảng cân đối phải chịu thêm gánh nặng từ tỷ lệ nợ xấu cao. Nhu cầu tín dụng cũng khá biến động, thể hiện độ tin cậy thấp và mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính cao trong khu vực tư nhân. Theo báo cáo của NHNN, tỷ lệ nợ xấu tính đến tháng 8 năm 2013 vào khoảng 4,6%. Tuy nhiên, mức này có thể sẽ cao hơn nếu chiếu theo các chuẩn mực quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc nói lỏng hơn nữa chính sách tiền tệ rất có thể chỉ tạo ra tác động không đáng kể tới tăng trưởng kinh tế nói chung, trừ phi đẩy mạnh tái cơ cấu lĩnh vực ngân hàng. Trước điều kiện hiện tại, việc nói lỏng tiền tệ hơn nữa sẽ làm gia tăng quan ngại về chất lượng tín dụng và ổn định kinh tế vĩ mô.



Biểu đồ 6b

Nguồn: NHNN Việt Nam, cập nhật bởi BSI

Dưới đây là một số điểm đáng lưu ý của ngành tài chính ngân hàng năm 2013:

- Lĩnh vực ngân hàng cho thấy một bức tranh đa chiều về hiệu quả hoạt động trong năm 2013. Mặc dù những e ngại và áp lực xung quanh thanh khoản của hệ thống ngân hàng tạm thời giảm thiểu. Tuy nhiên, những nguyên nhân gốc rễ dẫn đến tình trạng dễ tổn thương của hệ thống ngân hàng vẫn chưa được xử lý triệt để.

- Những điểm yếu dễ bị tổn thương của ngành tài chính ngân hàng – còn tồn tại – là trở ngại cho quá trình phục hồi kinh tế.

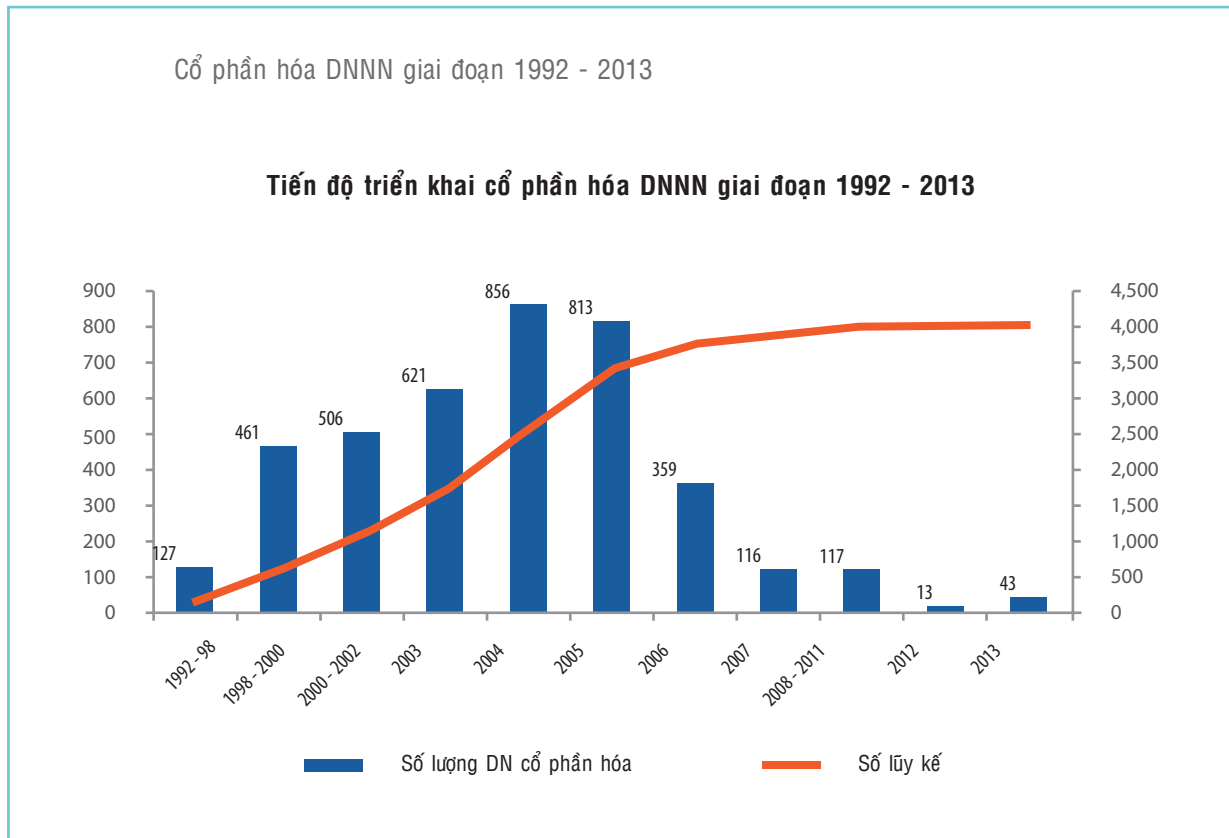
- Chính phủ đang xem xét cho phép gia tăng hơn nữa sự tham gia của nước ngoài trong các ngân hàng trong nước. Để đẩy nhanh quá trình này, chính phủ hiện đang hoàn thiện sửa đổi Nghị định 69 để tạo điều kiện tăng đầu tư nước ngoài trong các ngân hàng nội địa.

- Để cải thiện công tác phân loại nợ và dự phòng, NHNN đã ban hành Thông tư 02 ngay ở thời điểm đầu năm 2013. Thông tư 02 yêu cầu ngân hàng áp dụng các chính sách gần hơn với các thông lệ quốc

tế trong việc tính toán nợ xấu. Tuy nhiên, việc thi hành Thông tư 02 đã được trì hoãn cho đến tháng 6/2014.

- Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 843, đây là một bước đi quan trọng để xử lý tình trạng nợ xấu trong ngành ngân hàng. Quyết định 843 phân công NHNN chịu trách nhiệm điều phối công tác giải quyết nợ xấu trên toàn hệ thống và giám sát mức độ tuân thủ của các ngân hàng và các công ty quản lý tài sản của ngân hàng so với kế hoạch và chỉ tiêu xử lý nợ xấu của các tổ chức này.

- Thành lập Công ty Quản lý Tài sản các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC) vào tháng 7 năm 2013. Dự kiến VAMC sẽ mua lại các khoản nợ xấu của các ngân hàng theo giá trị sổ sách (sau khi trừ đi dự phòng cụ thể chưa dùng cho các khoản nợ xấu) thông qua trái phiếu đặc biệt với thời gian đáo hạn 5 năm, lãi suất bằng 0% hoặc mua theo giá thị trường mà không có trái phiếu. VAMC đặt mục tiêu mua 30 - 35 nghìn tỷ nợ xấu đến cuối năm 2013 và theo báo cáo, đã mua được 18 nghìn tỷ nợ xấu tính đến ngày 26/11/2013.



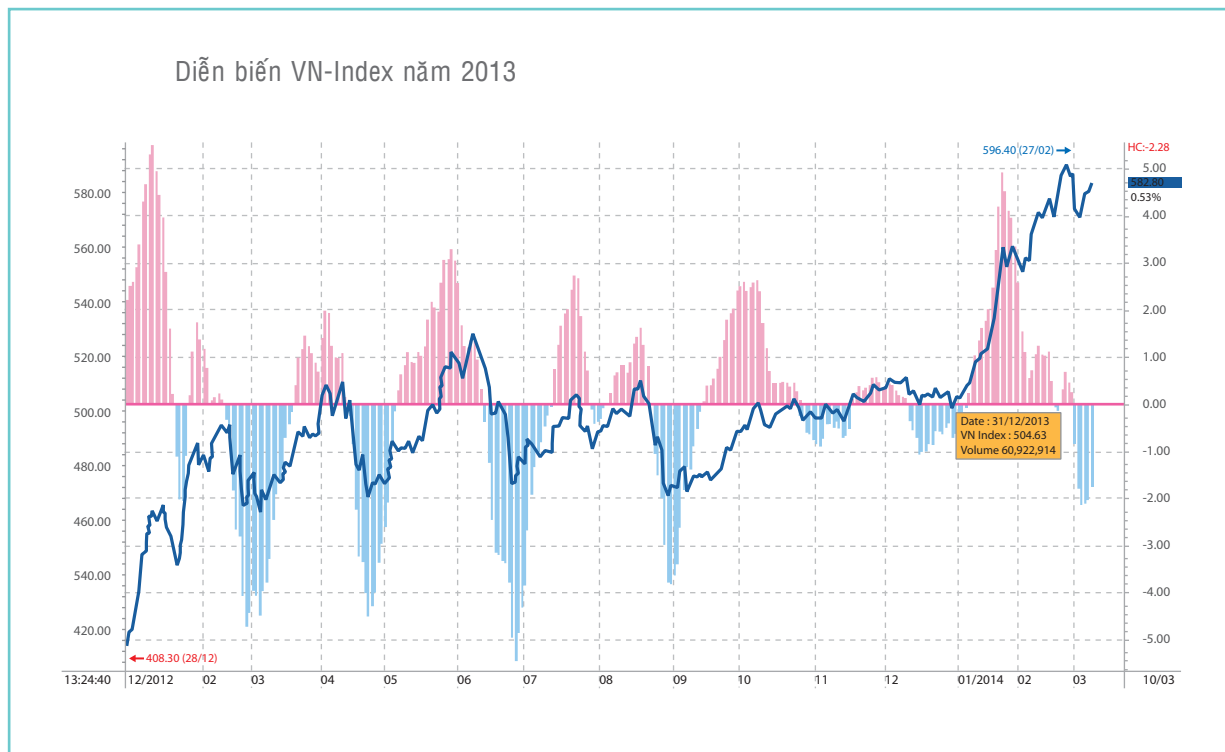
Biểu đồ 7

Nguồn: Bộ Tài chính (dữ liệu đến tháng 9/2013), cập nhập bởi BSI

Tiến độ cải cách DNNN chậm hơn mong đợi

Trong năm 2013, chính phủ đã xây dựng và áp dụng nhiều quy định quan trọng nhằm cải thiện công tác giám sát và quản lý DNNN, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch tái cấu trúc DNNN. Các biện pháp chính bao gồm: (1) Nghị định 71 về quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; (2) Nghị định 61 về công khai thông tin về DNNN; (3) Nghị định 50 về lương thưởng của các giám đốc DNNN, gắn với kết quả làm việc. Công tác sửa đổi Nghị định 59 về cổ phần hóa cũng gần hoàn tất và dự kiến sẽ gỡ bỏ những rào cản quan trọng tới quá trình cổ phần hóa, bao gồm quy định giá trị doanh nghiệp phải đạt mức trần mới có thể bán phần vốn nhà nước. Tuy nhiên, tiến độ cải cách

DNNN nói chung (biểu đồ 7) và các tập đoàn và tổng công ty nhà nước nói riêng trên thực tế vẫn chậm hơn so với dự kiến. Tính đến cuối tháng 9 năm 2013, kế hoạch tái cấu trúc khoảng 55 tập đoàn và tổng công ty nhà nước với mục tiêu thoái vốn và cải cách quản trị mới được phê duyệt. Bên cạnh những điều kiện thị trường khó khăn và tính phức tạp nội tại trong quá trình tái cấu trúc, tiến độ triển khai bị chậm lại cũng do khung luật định cồng kềnh cũng như phân tích hoạt động và tài chính đối với kế hoạch thoái vốn còn hạn chế. Ngoài ra, chi phí tái cấu trúc tài chính có khả năng sẽ rất lớn nên chính phủ cần phải cân nhắc ngân sách chi cho chương trình này.



Biểu đồ 8

Nguồn: BSI

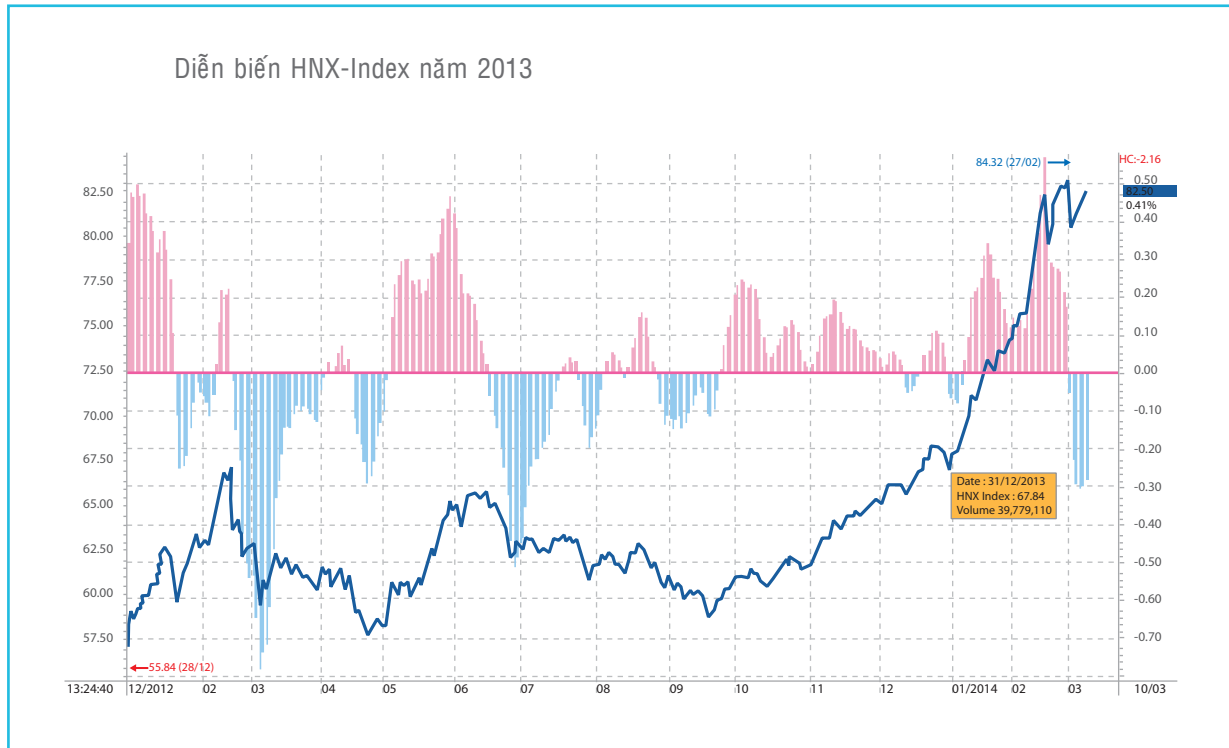
Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 khởi sắc

Trong năm 2013, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn nhưng kinh tế vĩ mô đã có những bước ổn định, các giải pháp vĩ mô đã dần phát huy tác dụng. Cụ thể, lạm phát được kiểm chế; chỉ số sản xuất công nghiệp đã tăng 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái; cán cân thanh toán được cải thiện; mặt bằng lãi suất có chiều hướng giảm dần; thị trường ngoại hối trong xu thế ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng; vốn FDI tăng 54,5 % so với cùng kỳ năm ngoái. Trên thị trường chứng khoán (TTCK), các giải pháp như giảm thuế với chuyển nhượng chứng khoán, kéo dài thời gian giao dịch, áp dụng lệnh thị trường, nới biên độ giao dịch, điều chỉnh tỷ lệ giao dịch ký quỹ từ 40/60 lên 50/50 đã được áp dụng. Đồng thời, công tác tái cấu trúc TTCK được đẩy mạnh, đặc biệt là vấn đề sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán và việc ban hành các quy định mới về quỹ mở, triển

khai giao dịch ETF đã tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

Do vậy, TTCK Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến và kết quả khả quan. Chỉ số VN-Index tăng gần 23% (biểu đồ 8); HN-Index tăng trên 13% so với cuối năm 2012 (biểu đồ 9). TTCK Việt Nam đã được đánh giá là 1 trong những nước có mức độ phục hồi mạnh nhất trên thế giới. Mức vốn hóa vào khoảng 964.000 tỷ đồng (tăng 199.000 tỷ đồng so với cuối năm 2012), tương đương 31% GDP.

Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên tăng 31%. Tổng giá trị huy động vốn kể cả phát hành riêng lẻ ước đạt 222.000 tỷ đồng, tăng 25%; trong đó cổ phiếu là 20,5 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2012; trái phiếu chính phủ (TPCP) đạt 177,5 nghìn tỷ đồng, tăng 24%. Tổng dòng vốn nước ngoài luân chuyển đến nay đạt 4,4 tỷ USD, tăng 54% so với cùng kỳ năm ngoái và giá trị danh mục tăng khoảng 3,8 tỷ USD so với cuối năm 2012.



Biểu đồ 9

Nguồn: BSI

Dưới đây là những diễn biến chính của việc tái cấu trúc TTCK:

Về tái cấu trúc cơ sở hàng hóa trên TTCK: Tiêu chuẩn phát hành, niêm yết được nâng cao theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012. Trên cơ sở đó, các văn bản pháp lý đã được ban hành để nâng cao tính công khai, minh bạch của thị trường; tăng cường quản trị công ty và từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tái cấu trúc các công ty niêm yết qua quá trình hợp nhất, sáp nhập DN, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư hướng dẫn về việc niêm yết của công ty cổ phần hình thành sau quá trình hợp nhất, sáp nhập DN.

Về tái cấu trúc thị trường trái phiếu: Bộ Tài chính đã ban hành “Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu đến năm 2020”, trong đó đề xuất chi tiết các giải pháp và kế hoạch triển khai cụ thể nhằm thúc đẩy thị trường trái phiếu bao gồm việc tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa TPCP có kỳ hạn từ 10 năm trở lên; củng cố hệ thống nhà đầu tư; hoàn thiện cơ chế và hệ thống giao dịch trái phiếu chính phủ và xây dựng và phát triển hệ thống các nhà tạo lập thị trường.

Trên cơ sở Thông tư 234/2012/TT-BTC hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu chính phủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã ban hành Quyết định 160/QĐ-UBCK quy định chào mua, chào bán trên thị trường TPCP. Từ ngày 18/3/2013, hệ thống giao dịch TPCP phiên bản 2 và hệ thống Đường cong lợi suất TPCP chính thức vận hành.

Về tái cấu trúc cơ sở nhà đầu tư: Khung pháp lý cho việc ra đời các loại hình quỹ mới như quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, ETF, công ty đầu tư chứng khoán đã được ban hành. Hiện nay đã có 9 quỹ mở được UBCKNN cấp phép chào bán, thành lập. Đây là tín hiệu thu hút vốn trong và ngoài nước nhằm tăng sức cầu của thị trường. UBCKNN, các sở giao dịch chứng khoán, trung tâm lưu ký chứng khoán đang triển khai xây dựng hệ thống giao dịch các sản phẩm mới như quỹ ETF, quỹ mở để đưa vào vận hành trong thời gian tới. Bộ Tài chính hiện cũng đang triển khai quỹ hưu trí tự nguyện nhằm tạo điều kiện bổ sung hệ thống an sinh, đồng thời tạo ra các nhà đầu tư có tổ chức với vốn dài hạn cho TTCK.

Về tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán: Để tạo cơ sở pháp lý cho quá trình tái cấu trúc, UBCKNN đã trình Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư an toàn tài chính; Thông tư sửa đổi về tổ chức và hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Quá trình tái cấu trúc được triển khai quyết liệt, trên cơ sở thượng tôn pháp luật và các giải pháp thị trường. Căn cứ chỉ tiêu an toàn tài chính, UBCKNN đã phân loại các công ty chứng khoán (CTCK) thành 4 nhóm. Trong đó, nhóm 1: nhóm hoạt động lành mạnh; nhóm 2: nhóm hoạt động bình thường; nhóm 3: nhóm bị kiểm soát; nhóm 4: nhóm bị kiểm soát đặc biệt, từ đó đã có các giải pháp xử lý tương ứng. Bên cạnh việc giảm dần số lượng các CTCK, UBCKNN hướng đến việc nâng cao chất lượng và năng lực hoạt động của các CTCK. UBCKNN đã ban hành Quy chế vận hành hệ thống quản trị rủi ro; Quy chế xếp loại và cảnh báo sớm theo tiêu chuẩn CAMEL. Đồng thời, đang gấp rút hoàn thiện chế độ kế toán theo thông lệ quốc tế, tăng cường giám sát chế độ báo cáo, kiểm toán đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Về tái cấu trúc Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán: UBCKNN đang xây dựng Đề án hợp nhất 2 Sở giao dịch chứng khoán nhằm thống nhất theo chuẩn mực chung. Đề án thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đang được tổng hợp ý kiến và dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới. Ngoài ra, UBCKNN hiện đang nghiên cứu xây dựng Trung tâm thanh toán bù trừ theo mô hình đối tác trung tâm; Hệ thống vay và cho vay chứng khoán phục vụ cho việc thanh toán, bù trừ các sản phẩm phái sinh; phối hợp NHNN xây dựng và triển khai đề án chuyển chức năng thanh toán tiền TPCP từ ngân hàng thương mại sang NHNN.

DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2014

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 3,5-3,6% cao hơn so với năm 2013 là 2,9%. Các nền kinh tế hàng đầu vẫn tiếp tục có tăng trưởng khá cao như Trung Quốc và Mỹ. Bên cạnh đó, khu vực các nước sử dụng đồng tiền chung Châu Âu bắt đầu khắc phục khó khăn nợ công, tiếp tục tăng trưởng xấp xỉ 1% (trước đó khu vực này có thời kỳ tăng trưởng âm). Ngoài ra, các nước châu Á-Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực tăng trưởng năng động. Các chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài, dự báo cũng được đẩy mạnh tăng trưởng hơn, nhất là Mỹ, Nhật Bản sẽ tập trung vào thị trường Đông Nam Á. Giá hàng hóa thế giới được dự báo không có biến động lớn, thậm chí giảm trong hai năm tới. Ngân hàng thế giới dự báo trong năm 2014-2015, giá năng lượng giảm tương ứng 1% và 0,8%, giá hàng hóa phi năng lượng giảm tương ứng 0,3% và 0,9%. Từ những dự báo đó, kinh tế thế giới sẽ tác động khá tích cực đối với kinh tế Việt Nam trong năm 2014.

Năm 2014, kinh tế Việt Nam có nhiều yếu tố thuận lợi và tích cực hơn trên nền tảng những thành quả đã đạt được trong năm 2013. Kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2013 đã được duy trì ổn định, với tổng cầu trong phạm vi kiểm soát, không gây áp lực lớn lên lạm phát và đáp ứng kì vọng về lạm phát của dân chúng. Chính phủ tiếp tục kiên trì ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, đạt mức tăng trưởng hợp lý; đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế; đảm bảo an sinh xã hội; đạt được nền tảng vững chắc để tạo đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Đầu tư nước ngoài gia tăng do kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn, khả năng thu hút đầu tư cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Đầu tư tư nhân trong nước cũng sẽ cải thiện nhờ những giải pháp chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh đã triển khai trong thời gian qua sẽ phát huy tác dụng trong năm tới, và những biện pháp tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu giúp hệ thống tài chính cải thiện và nâng cao khả năng cấp tín dụng. Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá từ những dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, những trở ngại như áp lực điều chỉnh hàng hóa cơ bản (giá than, điện, nhiên liệu) và dịch vụ công vẫn lớn; nhập khẩu có thể tăng cao hơn năm 2013 do xu hướng tăng trưởng khá hơn; sức cầu trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; việc xử lý nợ xấu ngân hàng và tái cấu trúc DNNN là vấn đề lớn và không thể xử lý triệt để trong ngắn hạn. Lãi suất và tỷ giá USD/VND tăng do những thay đổi chính sách tiền tệ của FED và một số nước có thể tác động phần nào đến cung cầu ngoại tệ và qua đó gây sức ép lên tỷ giá. Tuy nhiên, áp lực trên có thể được giảm bớt do chính sách kiểm soát ngoại tệ và quản lý thị trường vàng đang phát huy hiệu quả.

Trên thị trường chứng khoán, sự ổn định của kinh tế vĩ mô và hàng loạt những chính sách quản lý, tái cấu trúc thị trường chứng khoán (TTCK) đã đem lại sự khởi sắc cho TTCK Việt Nam trong năm 2013. Với nền tảng này, bước vào năm 2014, kỳ vọng thị trường có những bước chuyển động tích cực hơn, tiếp tục khẳng định vai trò của một kênh dẫn vốn quan trọng cho doanh nghiệp và nền kinh tế. Cơ quan chức năng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, đề án bao gồm: Đề án TTCK phái sinh (trình Chính phủ tháng 12/2013) và Nghị định về TTCK phái sinh (trình Chính phủ trong quý II/2014). UBCKNN đang xây dựng Đề án hợp nhất 2 Sở giao dịch chứng khoán nhằm thống nhất theo chuẩn mực chung để thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đang được tổng hợp ý kiến và dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới. Đề án thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam dựa trên nguyên tắc thống nhất về bộ máy quản lý, công nghệ, chế độ báo cáo, công bố thông tin, thành viên và giao dịch. Việc triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam; nghiên cứu và tiến tới đàm phán với các quốc gia châu Âu theo tinh thần của Nghị định châu Âu ESMA và với các quốc gia Bắc Mỹ nhằm công nhận UBCKNN là cơ quan quản lý nhà nước về TTCK tại Việt Nam sẽ huy động thêm vốn từ các quỹ đại chúng tại châu Âu và Bắc Mỹ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2011	2012	2013
Tổng tài sản	2.257.900.999.428	2.315.984.556.571	836.651.500.295
Vốn điều lệ	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Vốn chủ sở hữu	408.142.530.622	415.220.108.674	386.655.097.206

KẾT QUẢ KINH DOANH

	2011	2012	2013
Doanh thu thuần	292.730.324.149	381.746.522.266	139.894.426.189
Lợi nhuận gộp từ hoạt động	30.038.370.643	39.853.257.017	2.447.963.709
Lợi nhuận kinh doanh	6.809.619.022	7.218.627.338	-25.346.113.012
Lợi nhuận trước thuế	6.811.633.385	7.367.142.052	-26.292.042.497

CHỈ TIÊU KHÁC

	2011	2012	2013
Cơ cấu tài sản (%)			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	90.75	92.95	81.22
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	9.25	7.05	18.78
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	81.92	82.07	53.79
Nguồn vốn CSH/ Tổng tài sản	18.08	17.93	46.21

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN

	2011	2012	2013
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.98%	1.93%	-18.79%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.26%	0.32%	-3.14%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	1.45%	1.84%	-6.57%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	1.42%	1.77%	-6.80%



TỔNG QUAN DỊCH VỤ

Sau hơn 06 năm hoạt động, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán ngày một chuyên nghiệp và nâng cao, tạo cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng và gắn bó. Khách hàng sử dụng ngày một nhiều nghiệp vụ như: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp; Lưu ký chứng khoán; Nghiệp vụ Margin chứng khoán và quản lý rủi ro cho khách hàng.

Lưu ký chứng khoán

Với công nghệ hiện đại, nghiệp vụ Lưu ký, chuyển khoản chứng khoán, thực hiện quyền cho nhà đầu tư tại BSI được tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện. Hệ thống quản lý và theo dõi chuyên nghiệp của BSI giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch một cách chính xác và hiệu quả trong thời gian nhanh nhất.

Cụ thể, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ:

Thực hiện quyền liên quan đến người sở hữu chứng khoán bao gồm: Quyền bỏ phiếu (Quyền tham dự ĐHCĐ); Quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu và cổ tức bằng tiền; Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu thưởng; Quyền mua chứng khoán phát hành thêm; Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi và các Quyền khác theo quy định của pháp luật;

Chuyển khoản chứng khoán; Giao dịch chứng khoán lô lẻ; Tặng, cho, thừa kế; Cầm cố và giải tỏa chứng khoán cầm cố.

Nghiệp vụ môi giới

Chứng khoán niêm yết: Với đội ngũ nhân viên môi giới hành nghề năng động, chuyên nghiệp, am tường các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế khác nhau, có đạo đức nghề nghiệp, được cập nhật kiến thức và huấn luyện thường xuyên. BSI sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu về tư vấn đầu tư, giao dịch chứng khoán.

Hiện tại công ty triển khai đồng thời ba hình thức giao dịch: Giao dịch trực tuyến (online trading), đặt lệnh qua điện thoại qua điện thoại và đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch. Các lệnh mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư bằng bất kỳ hình thức nào đều được thực hiện nhanh chóng, chính xác và an toàn.

Chứng khoán OTC: Với nhiều năm phát triển, BSI có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều công ty đại chúng, nguồn dữ liệu về thông tin cổ phiếu phong phú, được cập nhật liên tục. Nguồn dữ liệu này cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ thông tin về các cổ phiếu chưa niêm yết, giúp nhà đầu tư thực hiện giao dịch nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu tối đa rủi ro.

“Sau hơn 06 năm thành lập, chất lượng cung cấp các dịch vụ chứng khoán ngày càng được nâng cao, mang đến cho khách hàng sự hài lòng và tín nhiệm. Các dịch vụ ngày một phát triển như: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp; Lưu ký chứng khoán; Nghiệp vụ Margin chứng khoán và quản lý rủi ro cho khách hàng.”

Quản lý sổ cổ đông

BSI cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông bằng phần mềm hiện đại. Đây là một công cụ hữu ích, giải pháp giao dịch nhanh chóng, quản lý an toàn, hiệu quả nhằm tối đa hóa chi phí cho khách hàng và đảm bảo tối ưu những lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông.

Dựa trên phần mềm công nghệ tiên tiến OOS cùng với phương thức hiện đại, chuyên nghiệp, giúp giảm thiểu tối đa chi phí về tài chính và thời gian cho cổ đông. BSI luôn cập nhật, lưu giữ thông tin cổ đông một cách chính xác, đầy đủ; gửi báo cáo về danh sách cổ đông định kỳ hoặc theo yêu cầu Công ty; đảm bảo tuyệt đối an toàn dữ liệu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2013, giá trị giao dịch hoạt động môi giới chứng khoán của BSI đạt 1,5 tỷ đồng, số tài khoản mở mới trong năm 2013 là 171 tài khoản, số tài khoản mở lũy kế tính đến cuối năm 2013 là 13.583 tài khoản.

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, liên tục nâng cấp phần mềm dịch vụ và đa dạng hóa các hình thức phục vụ khách hàng, giao dịch ký quỹ... Thị phần môi giới năm 2013 tại hai sàn HOSE và HNX đạt 0,21%.

BSI tiếp tục củng cố mạng lưới hoạt động tại TP. HCM và chi nhánh Hà Nội nhằm duy trì và phát triển ổn định, nâng cao uy tín với khách hàng.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

BSI cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đa dạng.

Tư vấn doanh nghiệp phát hành chứng khoán: là dịch vụ tư vấn (cổ phiếu, trái phiếu...) để huy động vốn từ công chúng thông qua thị trường chứng khoán với các phương thức: Phát hành cổ phiếu ra công chúng (IPO); Phát hành cổ phiếu riêng lẻ; Phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Phát hành cho đối tác chiến lược; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn, chia cổ tức, thưởng...

Tư vấn niêm yết: là dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán trên sàn HOSE, HNX, và trên sàn Upcom; Tư vấn dữ liệu, rà soát hồ sơ, thời điểm, chiến lược... trước khi niêm yết; Tư vấn quản trị công ty trước và sau khi niêm yết.

Tư vấn cổ phần hóa: Tư vấn doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang cổ phần; Tư vấn sắp xếp lại doanh nghiệp để chuẩn bị cho cổ phần hóa theo đúng chủ trương của Nhà nước; Tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước; Tư vấn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. BSI song hành cùng các doanh nghiệp nhà nước và các công ty tư nhân trong việc tư vấn cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Dịch vụ tư vấn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của BSI được thiết kế toàn diện phù hợp và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Để đáp ứng quy định của Bộ tài chính trong công tác xác định giá trị doanh nghiệp, BSI đã ký hợp đồng liên danh với các công ty thẩm định giá được Bộ tài chính cấp phép xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hàng năm. Các doanh nghiệp này là các doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm, có uy tín và quy mô lớn nhằm mang đến cho khách hàng kết quả thẩm định giá tin cậy, chính xác, đúng quy định của Bộ tài chính trong công tác cổ phần hóa và bán vốn nhà nước.

Tư vấn mua bán sáp nhập: là dịch vụ tư vấn xuyên suốt các quá trình sáp nhập và chia tách, tìm kiếm liên minh chiến lược, tìm kiếm đối tác thoái vốn đầu tư, dịch vụ tư vấn xác định giá trị của giao dịch, thương lượng các điều khoản cho bên mua và bên bán, ích lợi cộng hưởng sau sáp nhập...

Bảo lãnh phát hành chứng khoán: là dịch vụ bảo lãnh cam kết chắc chắn, bảo lãnh cố gắng tối đa và bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng cho từng đợt phát hành chứng khoán cụ thể nhằm đạt được mục tiêu cao nhất trong kế hoạch huy động vốn đã đề ra.

Dịch vụ tư vấn khác như: Tổ chức đại hội cổ đông; Xây dựng quy trình công bố thông tin; Lập các phương án xử lý khủng hoảng thông tin; Tư vấn xây dựng báo cáo thường niên...

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN

Năm 2013, Bộ phận tư vấn tài chính doanh nghiệp của BSI tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ tư vấn tài chính với kết quả đáng ghi nhận và ngày càng được nhiều khách hàng quan tâm.

Tuy năm 2013 kinh tế VN có những chuyển biến tích cực về vĩ mô và bắt đầu có dấu hiệu khôi phục, thị trường chứng khoán có một năm khởi sắc hơn nhiều so với các năm trước nhưng nhìn chung hoạt động tư vấn tài chính trên thị trường vẫn còn những khó khăn. Với những nỗ lực nhằm mở rộng thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, Phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp đã phát triển được một lượng lớn khách hàng có nhu cầu thoái vốn ở những doanh nghiệp vốn nhà nước.

Trên cơ sở hỗ trợ của ban lãnh đạo Công ty cùng với nỗ lực của đội ngũ chuyên gia tư vấn, nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp BSI đã đa dạng hóa dịch vụ trên nền tảng chất lượng và để lại những ấn tượng tốt, tạo được sự tin tưởng ở khách hàng.

Với sự ủng hộ của một số lượng lớn khách hàng đã sử dụng Dịch vụ tư vấn trước đây do Công ty cung cấp, ngày càng có nhiều khách hàng lớn đã tìm đến sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty và đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, năng lực tư vấn của đội ngũ nhân sự tư vấn.

Đặc biệt, trong năm đã thực hiện thành công hợp đồng tư vấn cổ phần hóa cho Công ty TNHH MTV Đăng kiểm xe cơ giới Tây Ninh, là đơn vị đầu tiên

trong ngành đăng kiểm xe cơ giới của cả nước.

Năm 2014 tuy được dự báo vẫn còn những khó khăn và thử thách nhưng các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán sẽ có những thuận lợi hơn các năm trước. Phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp nỗ lực nhiều hơn trong công tác tiếp thị, đào tạo nâng cao nghiệp vụ. Xây dựng và thiết lập kỷ luật lao động cao, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp trong quá trình triển khai nghiệp vụ, rà soát và cập nhật quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ... Đưa ra những chính sách mới để tiếp cận với khách hàng nhằm đạt được những mục tiêu của Công ty.

Với chủ trương và chỉ đạo quyết liệt từ Thủ tướng chính phủ trong công tác cổ phần hóa, hoạt động cổ phần hóa cũng đã và đang diễn ra khẩn trương hơn trong thời gian tới. Nắm bắt được tình hình và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, phòng tư vấn cũng đã có những chiến lược nhằm tiếp cận mảng thị trường tiềm năng này.

Ngoài mối quan hệ chặt chẽ với SCIC để có thể thực hiện các hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa cho các doanh nghiệp thuộc quản lý của tổ chức này, BSI cũng đã xây dựng mối quan hệ gắn bó với Sở tài chính các Tỉnh thành, các Tổng công ty 90, 91... nhằm nắm bắt, hỗ trợ và triển khai kịp thời các chủ trương, nghiệp vụ về tư vấn cổ phần hóa cho các đối tượng có nhu cầu.



THÀNH TỰU KHÁC



BSI qua 6 năm hoạt động đã ngày một nâng cao số lượng và chất lượng các báo cáo phân tích để cung cấp cho nhà đầu tư như phân tích tuần, phân tích ngành, phân tích theo yêu cầu của nhà đầu tư. Các báo cáo nghiên cứu, phân tích này cũng được các kênh truyền thông đánh giá cao về độ tin cậy và khách quan nhằm sử dụng làm thông tin tham chiếu cho độc giả.

Các sản phẩm phân tích là công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động của phòng môi giới trong việc cung cấp các thông tin quan trọng của thị trường cũng như tình hình cổ phiếu cho các nhà đầu tư.

Việc triển khai thành công các hợp đồng tư vấn có sự góp sức rất lớn từ đội ngũ chuyên gia phân tích, từ việc đánh giá thông tin doanh nghiệp, năng lực hoạt động, tình hình tài chính, tiềm năng phát triển của các công ty cần tư vấn từ đó tiết kiệm được rất nhiều thời gian trong quá trình tư vấn doanh nghiệp.

Hiện nay, BSI cung cấp hầu như đầy đủ các sản phẩm phân tích, hoàn thiện báo cáo phân tích với hai ngôn ngữ Việt, Anh, hỗ trợ thông tin tham vấn tốt nhất cho khách hàng tổ chức cũng như khách cá nhân. Nhằm mang lại giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh đối với khách hàng khi giao dịch tại BSI.

Bên cạnh đó, BSI liên danh cung cấp dịch vụ thẩm định giá cho các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư cá nhân trong nước và ngoài nước bao gồm: Thẩm định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thoái vốn; Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích mua bán, sáp nhập; Định giá cổ phiếu; Định giá thương hiệu; Định giá lợi thế thương mại, tác quyền; Thẩm định định giá bất động sản... Công ty áp dụng các phương pháp định giá tiến tiến trên thế giới, được nhiều quốc gia chấp nhận sử dụng, phù hợp với các thị trường đang phát triển như Việt Nam.

Ngoài ra, với dịch vụ tư vấn tài chính dự án, BSI thực hiện lập kế hoạch tài chính cho các dự án triển khai, các dự án có nhu cầu huy động vốn và cho các mục đích quản trị tài chính khác; Lập dự báo luồng tiền chi tiết cho mục đích phân tích, định giá doanh nghiệp; Lập dự án đầu tư nhằm phục vụ quá trình đầu tư, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp...

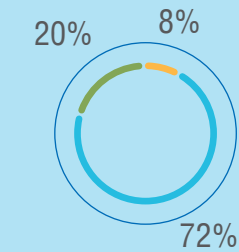


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2013, BSI có 50 cán bộ nhân viên đang công tác.

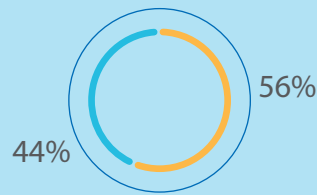
Trong đó:

Trình độ trên Đại học chiếm 8%, Đại học chiếm 72% và Trình độ dưới Đại học là 20%



Trình độ học vấn 2013

Trình độ trên đại học 8%
Trình độ đại học 72%
Trình độ dưới đại học 20%



Giới tính 2013

Giới tính Nam 56%
Giới tính Nữ 44%

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

BSI luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định chung về việc chi trả lương, tất cả CBNV đều được tham gia chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lương tháng 13, các chương trình thưởng trong các dịp lễ tết (30/4, 2/9...). Cán bộ nhân viên còn được hưởng chế độ hỗ trợ làm việc như: hỗ trợ bữa ăn hàng ngày, cấp phát đồng phục, có chế độ nghỉ mát hàng năm, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng tháng cùng với một số ưu đãi nội bộ khác.

BSI luôn xác định con người là nòng cốt cho sự phát triển, vì thế công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực thông qua chương trình xây dựng hệ thống đánh giá và chuẩn hóa năng lực, kết hợp với việc đánh giá hiệu quả công việc để có chế độ bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp và khen thưởng kịp thời, hợp lý.

Tất cả nhân viên đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài và được công ty tài trợ toàn bộ chi phí.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2014

MỤC TIÊU

Công ty sẽ vẫn kiên định lập trường hướng tới phát triển ổn định và bền vững, phấn đấu vươn lên trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật về thương hiệu, uy tín về chất lượng và hiệu quả trong hoạt động.

ĐỊNH HƯỚNG

Tình hình TTCK năm 2014 được dự báo sẽ tích cực hơn với những yếu tố được dự báo là thuận lợi của nền kinh tế thế giới và những điểm sáng của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, TTCK tiếp tục phải đối diện với những trở ngại còn tồn tại và rủi ro tiềm ẩn. Đặc biệt là tình trạng dễ tổn thương của hệ thống tài chính – ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để đạt mục tiêu, BSI tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nhân sự công ty nâng cao năng lực của mình, hướng đến xây dựng đội ngũ CBNV trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao. Năm 2014, BSI phấn đấu đạt kết quả kinh doanh tốt nhất nhằm đáp ứng được kỳ vọng gia tăng cổ tức của các cổ đông. Chú trọng chất lượng dịch vụ đi kèm với củng cố mạng lưới hoạt động; Đẩy cao công tác giám sát – kiểm tra, minh bạch các quy trình thực hiện; Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình giao dịch của nhà đầu tư nhanh chóng, tiện ích và bảo mật; Đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng."

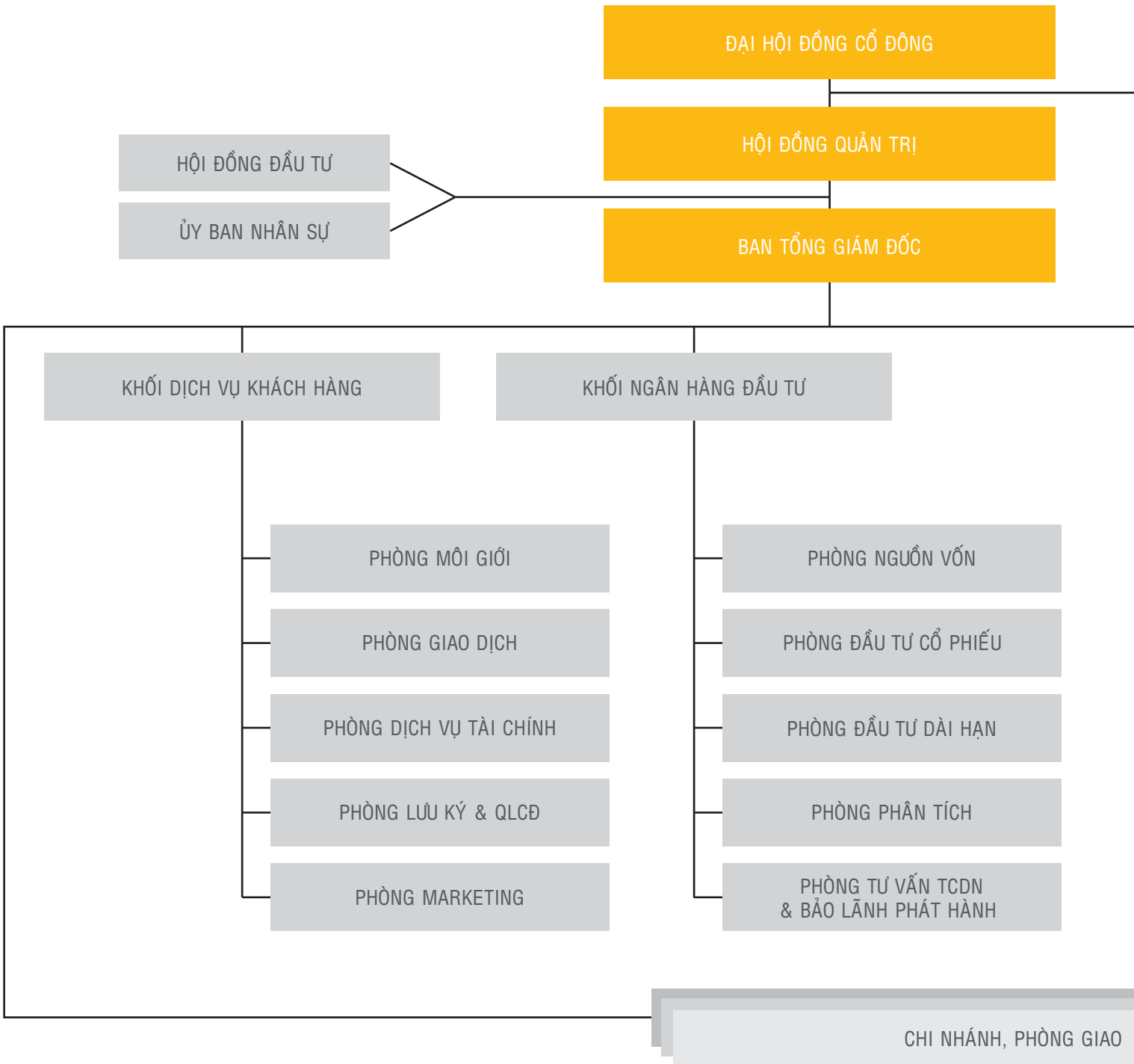


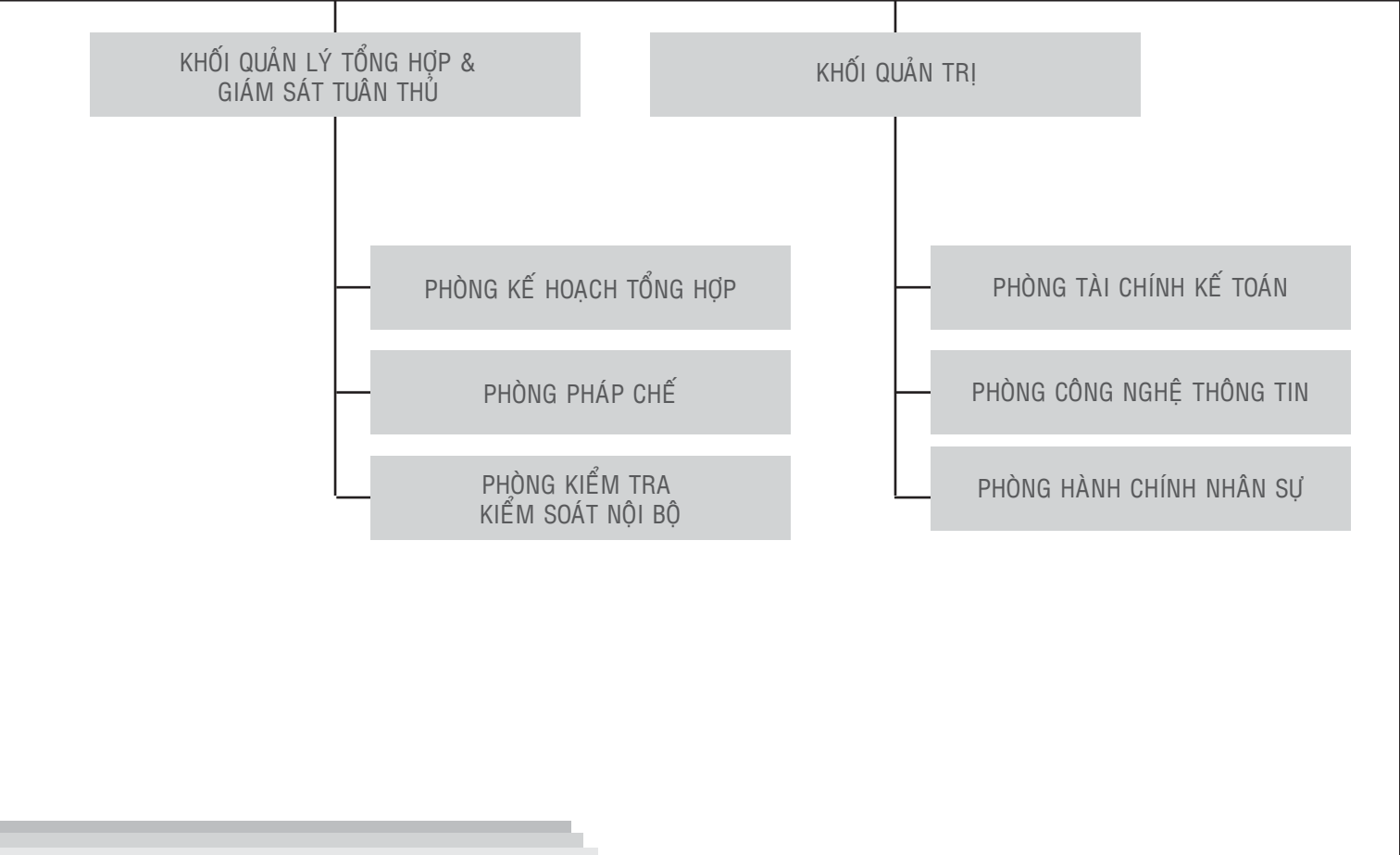
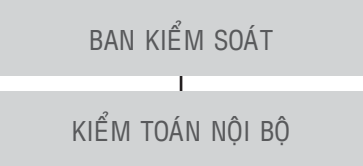
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH 2014

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2013	THỰC HIỆN 2014
1	Doanh thu	140.039.882.954	52.000.000.000
2	Chi phí	166.331.925.451	49.373.305.000
3	Lợi nhuận	-26.292.042.497	2.626.695.000

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Bộ máy tổ chức của BSI bao gồm Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện. Tổ chức bộ máy được cấu trúc làm 4 khối: Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Quản lý tổng hợp & Giám sát tuân thủ, Quản trị.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cựu đã có 20 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cựu tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Minh Quang là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BSI. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.



ÔNG HUỲNH VĂN TỐT
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN
Trưởng ban



ÔNG TÔN THẤT LÂM KHÁNH
Thành viên



BÀ NGUYỄN THỊ HẢI
Thành viên

Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các Cổ đông của Công ty. Trong suốt nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động công ty theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty cũng như thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của vủa HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của BSI.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG HUỖNH VĂN TỐT
Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính - ngân hàng lớn tại Việt Nam.

Ông Huỳnh Văn Tốt là Tổng Giám đốc của BSI từ 09/2012.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG
Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp MBA và Cử nhân tài chính Hoa Kỳ, là người am hiểu sâu sắc và có nhiều kinh nghiệm trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang là Phó Tổng Giám Đốc của BSI từ năm 2011.



BÀ TRẦN THỊ BÔNG
Phó Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bông là Nhân sự thuộc thế hệ đầu tiên của BSI từ năm 2007. Bà có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Bên cạnh đó, bà còn là thành viên tích cực của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Bông là Phó Tổng Giám đốc của BSI từ 11/2012.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phú	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2013)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Ông Nguyễn Thiên Chương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2013)
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN VĂN CỰU
CHỦ TỊCH

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: /2014/UHYHCM - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2014, trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và

trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 44.115.625.000 đồng. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc cao hơn mệnh giá số tiền 17.921.875.000 đồng chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá. Chúng tôi không thu thập được các thông tin so sánh cần thiết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và cũng không thu thập được Báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư của khoản đầu tư dài hạn số tiền 44.115.625.000 đồng để làm cơ sở đánh giá giá trị của các khoản đầu tư dài hạn này của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như phần (tỷ lệ) sở hữu của Công ty trong tổng số vốn góp của các bên trong Công ty nhận đầu tư.

Do các hạn chế nêu trên, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc chưa xem xét trích lập dự phòng của các khoản mục đầu tư dài hạn cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Đồng thời chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đánh giá về hạn mức đầu tư theo quy định hiện hành.

Hạn chế do vấn đề về tuân thủ quy định pháp luật

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư dài hạn của Công ty vào các công ty chưa niêm yết là: 127.403.125.000 đồng, chiếm 32,65% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2013 và phần lớn phát sinh trước năm 2013. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập Công ty Chứng

khoán (“Thông tư 210”), Công ty Chứng khoán không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết. Theo đó, giá trị vượt mức đầu tư theo quy định số tiền: 49.359.193.809 đồng.

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 69.697.250.005 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 209.200.000.000 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 278.897.250.005 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 13.953.873.205 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 264.943.376.800 đồng, chiếm 69,7% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2013. Bên cạnh đó, Công ty cũng ủy thác đầu tư cho một số cá nhân với tài sản đảm bảo là các cổ phiếu khác, tổng số tiền là 12.179.719.500 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Từ 15/01/2013 đến 31/12/2013, Công ty thực hiện ký mới hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và giải ngân cho khách hàng trong kỳ với số tiền là 917.222.030.400 đồng. Về bản chất, Công ty ký lại hợp đồng cung cấp dịch vụ trên cho các khách hàng vừa thanh lý hợp đồng cũ theo các điều khoản như trên hợp đồng cũ. Số dư phải thu khách hàng của hoạt động này tại ngày 31/12/2013 là: 343.999.679.302 đồng trong đó có 328.527.678.848 đồng được đảm bảo bằng 43.598.624 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động này tương ứng với số tiền là: 121.257.693.309 đồng và 112.301.749.041 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư của Công ty vào Căn hộ Hoàng Anh Gia Lai số tiền 3.514.818.000 đồng. Giá trị đầu tư này phát sinh từ năm 2009, Công ty đã có kế hoạch thu hồi tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được. Hoạt động đầu tư này không được phép thực hiện theo quy định của Thông tư 210.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đang được lập trên giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, giả định này có thể bị thay đổi. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các Quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.



PHAN THANH ĐIỀN
GIÁM ĐỐC
Giấy CNDKHNKT
số 1496-2013-112-1

MAI VIỆT HÙNG
KIỂM TOÁN VIÊN
Giấy CNDKHNKT
số 2334-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: *Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		679.563.992.622	2.152.630.799.207
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.165.910.305	18.888.334.525
Tiền	111		39.165.910.305	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	55.749.655.365	87.233.199.189
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	69.707.241.998	106.861.894.429
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	583.849.420.091	2.045.404.021.391
Phải thu của khách hàng	131		-	10.269.450
Trả trước cho người bán	132		1.149.232.000	159.639.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	4.740.051.268	23.193.164.574
Các khoản phải thu khác	138		603.489.919.395	2.037.371.900.917
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)
Tài sản ngắn hạn khác	150		799.006.861	1.105.244.102
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		188.315.058	331.755.279
Tài sản ngắn hạn khác	158		610.691.803	773.488.823

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.087.507.673	163.353.757.364
Tài sản cố định	220		5.256.570.593	7.101.561.157
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.973.760.807	5.176.973.472
- Nguyên giá	222		19.064.430.117	20.098.848.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.090.669.310)	(14.921.874.912)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.282.809.786	1.924.587.685
- Nguyên giá	228		4.689.660.821	4.307.000.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.406.851.035)	(2.382.412.636)
Bất động sản đầu tư	240	11	1.815.989.300	2.167.471.100
- Nguyên giá	241		3.514.818.000	3.514.818.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.698.828.700)	(1.347.346.900)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	143.838.566.249	150.627.125.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	20.000.000.000	25.824.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	127.403.125.000	124.803.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(3.564.558.751)	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.176.381.531	3.457.600.107
Chi phí trả trước dài hạn	261		263.549.123	446.597.761
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	2.849.832.408	2.010.927.346
Tài sản dài hạn khác	268	8	3.063.000.000	1.000.075.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		836.651.500.295	2.315.984.556.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		449.996.403.089	1.900.764.447.897
Nợ ngắn hạn	310		449.996.403.089	1.439.703.447.897
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	436.561.000.000	223.793.465.064
Phải trả người bán	312		55.634.800	41.131.376
Người mua trả tiền trước	313		117.000.000	22.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	207.158.257	491.308.235
Phải trả người lao động	315		771.470.097	755.419.895
Chi phí phải trả	316	14	19.781.720	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	9.986.489.067	1.176.903.561.580
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	1.333.805.790	7.183.137.685
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		52.971.737	7.458.695
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	3.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		657.921.000	289.564.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		233.170.621	1.241.179.145
Nợ dài hạn	330		-	461.061.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	17	-	461.061.000.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		386.655.097.206	415.220.108.674
Vốn chủ sở hữu	410	18	386.655.097.206	415.220.108.674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.417.993.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		657.921.000	289.564.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	289.564.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(16.447.095.051)	13.222.987.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		836.651.500.295	2.315.984.556.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 31/12/ 2013	Tại 01/01/ 2013
Chứng khoán lưu ký	006	1.126.808.000.000	1.815.004.830.000
<i>Trong đó:</i>			
Chứng khoán giao dịch	007	543.728.100.000	1.455.918.620.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.170.000	45.413.300.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	541.857.840.000	1.409.759.430.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.865.090.000	745.890.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	847.460.000	2.205.460.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	847.460.000	2.205.460.000
Chứng khoán cầm cố	017	560.333.050.000	297.643.000.000
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	32.408.940.000	-
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	527.924.110.000	297.643.000.000
Chứng khoán chờ thanh toán	027	3.149.300.000	12.460.500.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.149.300.000	12.460.500.000

Chứng khoán phong toả chờ rút	032	-	1.935.000.000
Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	1.935.000.000
Chứng khoán chờ giao dịch	037	856.980.000	123.440.000
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	80.000	210.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	856.900.000	123.230.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	17.893.110.000	44.718.810.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	17.893.110.000	44.718.810.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	210.811.020.000	-
<i>Trong đó:</i>			
Chứng khoán giao dịch	051	210.811.020.000	-
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	540.000	-
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	210.810.480.000	-



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH TUYẾT MAI
NGƯỜI LẬP BIỂU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu	01	19	139.894.426.189	381.777.519.990
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.744.690.819	9.801.621.320
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		9.198.748.781	82.125.030.366
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		94.545.455	182.286.566
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		554.752.577	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		23.556.000	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	49.903.030
Doanh thu khác	01.9		127.278.132.557	289.618.678.708
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	30.997.724
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		139.894.426.189	381.746.522.266
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14		139.894.426.189	381.746.522.266
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	21	137.446.462.480	341.893.265.249
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.447.963.709	39.853.257.017
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	27.794.076.721	32.634.629.679
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.346.113.012)	7.218.627.338
Thu nhập khác	31		145.456.765	148.514.731
Chi phí khác	32	24	1.091.386.250	17
Lợi nhuận khác	40		(945.929.485)	148.514.714
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.292.042.497)	7.367.142.052
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(26.292.042.497)	7.367.142.052
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(657)	184



HUYỄN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH TUYẾT MAI
NGƯỜI LẬP BIỂU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	1		(26.292.042.497)	7.367.142.052
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		3.012.919.534	4.527.448.983
Các khoản dự phòng	3		8.092.280.166	27.391.287.333
Lãi hoạt động đầu tư	5		(12.108.644.377)	(82.380.601.340)
Chi phí lãi vay	6		130.263.732.365	312.821.696.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		102.968.245.191	269.726.973.427
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	9		1.449.996.787.309	(233.328.026.839)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(1.176.351.411.937)	731.197.294.055
Giảm chi phí trả trước	12		214.694.903	1.123.509.827
Tiền lãi vay đã trả	13		(159.235.954.587)	(238.201.095.444)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.020.345.263)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5.441.824.930
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(5.759.593.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		217.592.360.879	529.180.541.325
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(921.430.224)	(892.521.057)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		145.454.545	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.154.316.600)	(202.026.971.800)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.109.054.475	271.191.037.651
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.799.917.769	49.788.253.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.978.679.965	118.059.797.984
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		306.500.000.000	200.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(554.793.465.064)	(920.952.589.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(248.293.465.064)	(720.952.589.923)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.277.575.780	(73.712.250.614)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.888.334.525	92.600.585.139
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	39.165.910.305	18.888.334.525



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH TUYẾT MAI
NGƯỜI LẬP BIỂU



*Thị trường đầu cơ sinh ra trong sự ảm đạm, lớn lên
bằng sự hoài nghi, phát triển nhờ sự lạc quan và chết
bởi sự thỏa mãn*

*Bull markets are born on pessimism, grown on
scepticism, mature on optimism and die on euphoria*

Sir John Templeton

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		TĂNG VND
		TẠI 01/01/2012 VND	TẠI 01/01/2013 VND	
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển		1.128.429.257	1.417.993.257	289.564.000
Quỹ dự phòng tài chính		-	289.564.000	289.564.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	289.564.000	289.564.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.2	7.014.101.365	13.222.987.417	28.503.255.620
Cộng		408.142.530.622	415.220.108.674	29.371.947.620



HUYỀN VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ SỞ HỮU

012	SỐ TĂNG, GIẢM			SỐ DƯ CUỐI KỲ	
	NĂM 2013			TẠI 31/12/2012	TẠI 31/12/2013
	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND	VND	VND
	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
	-	368.357.000	-	1.417.993.257	1.786.350.257
	-	368.357.000	-	289.564.000	657.921.000
	-	368.357.000	-	289.564.000	657.921.000
	22.294.369.568	-	29.670.082.468	13.222.987.417	(16.447.095.051)
	22.294.369.568	1.105.071.000	29.670.082.468	415.220.108.674	386.655.097.206



ÔNG TRƯỞNG
RƯỜNG



ĐINH TUYẾT MAI
NGƯỜI LẬP BIỂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2013, Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, đặt tại tầng 5, số 27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên năm 2013 của Công ty là 84 người (năm 2012 là 75 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng

Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TÀI SẢN)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC nêu trên. Cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị

trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như Công ty Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số tiền 44.115.625.000 đồng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Trường hợp đánh giá các khoản công nợ có thể thu hồi được Công ty tiếp tục gia hạn nợ và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được áp dụng từ năm tài chính 2013, một trong các tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định là tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên (quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 là 10 triệu đồng

trở lên). Do đó, trong năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản có giá trị dưới 30 triệu.

Chi tiết xem tại Thuyết minh số 8.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Số năm khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ

để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính

toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu từ vốn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

3.10 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực

tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Thông tư số 06/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10/01/2012 áp dụng từ ngày 01/03/2012. Theo thông tư này thì hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh

liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 25%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/ 2013	01/01/ 2013
Tiền mặt	102.086.946	429.636.634
Tiền gửi ngân hàng	39.063.823.359	18.458.697.891
Trong đó:		
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	30.888.533.073	14.623.453.519
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	8.175.290.286	3.835.244.372
Cộng	39.165.910.305	18.888.334.525

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/ 2013	01/01/ 2013
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	87.233.199.189
Chứng khoán thương mại (5.3)	69.707.241.998	106.861.894.429
+ Chứng khoán niêm yết	69.706.826.198	106.861.894.429
+ Chứng khoán chưa niêm yết	415.800	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)
Đầu tư tài chính dài hạn	143.838.566.249	150.627.125.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	20.000.000.000	25.824.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	20.000.000.000	25.824.000.000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	127.403.125.000	124.803.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(3.564.558.751)	-
Cộng	199.588.221.614	237.860.324.189

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN		GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỐ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG	
					TĂNG		GIẢM			
	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
STB	3.240.894	4.248.260	69.697.250.005	104.151.774.880	-	-	(13.953.873.205)	(19.611.400.880)	55.743.376.800	84.540.374.000
CP khác	579	293.091	9.991.993	2.710.119.549	1.427.635	1.283.335.811	(3.713.428)	(17.294.360)	7.706.200	3.976.161.000

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				GIÁ THỊ TRƯỜNG SO VỚI SỔ SÁCH				TỔNG GIÁ TRỊ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG			
	01/01/2013		31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013		TĂNG		GIẢM		01/01/2013	
	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại	Tại
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
II. Chứng khoán đầu tư	200	304	20.000.000.000	25.824.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	25.824.000.000
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	200	304	20.000.000.000	25.824.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	25.824.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	200	304	20.000.000.000	25.824.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	25.824.000.000
- Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (*)	200	200	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt	-	104	-	5.824.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.824.000.000
Cộng	3.241.673	4.541.655	89.707.241.998	132.685.894.429	1.427.635	1.283.335.811	(13.957.586.633)	(19.628.695.240)	75.751.083.000	114.340.535.000				

(*): Tại ngày 20/01/2014 Công ty đã nhận hoàn trả một phần vốn góp vào quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt do quỹ đầu tư thu hẹp quy mô, số tiền: 10 tỷ đồng.

5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG		GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	CP	CP	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	10.948.125	10.688.125	127.403.125.000	124.803.125.000
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	256.250	8.287.500.000	7.687.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà (*)	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ô tô Đô Thành	1.300.000	1.300.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh (*)	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Viễn Thông Đô Thành	400.000	400.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành (*)	2.180.000	2.180.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Đô Thành	4.300.000	4.100.000	43.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	10.948.125	10.688.125	127.403.125.000	124.803.125.000

(*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2013.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

CHỈ TIÊU	TẠI 01/01/2013		SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		TẠI 31/12/2013		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Phải thu của khách hàng	10.269.450	-	60.000.000	70.269.450	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	159.639.000	-	2.713.919.906	1.724.326.906	1.149.232.000	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	23.193.164.574	-	866.229.731.669	884.682.844.975	4.740.051.268	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	23.193.164.574	-	866.229.731.669	884.682.844.975	4.740.051.268	-	-
4. Phải thu khác	2.037.371.900.917	-	1.283.072.529.234	2.716.954.510.756	603.489.919.395	31.477.216.156	25.529.782.572
- HĐ Repo	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-	-
- HĐ cầm cố chứng khoán	24.107.000.000	-	93.450.000.000	117.557.000.000	-	-	-
- HĐ HTĐT chứng khoán niêm yết	23.783.717.500	-	4.732.444.000	13.044.161.046	15.472.000.454	15.472.000.454	13.491.777.572
- HĐ HTĐT CK chưa niêm yết (1)	1.578.642.166.834	-	942.325.794.400	2.192.440.282.386	328.527.678.848	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư (2)	334.196.786.496	-	133.395.736.290	226.073.840.500	241.518.682.286	-	-
- Phải thu khác của nhà đầu tư (3)	76.442.131.087	-	104.279.506.007	164.716.421.392	16.005.215.702	16.005.215.702	12.038.005.000
- Phải thu khác - tài sản chờ xử lý (4)	-	-	4.888.664.537	2.922.652.432	1.966.012.105	-	-
- Phải thu khác	99.000	-	384.000	153.000	330.000	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.330.952.550)	-	12.179.709.375	(1.980.879.353)	(5.132.122.528)	-	-
Cộng	2.045.404.021.391	-	2.164.255.890.184	3.601.451.072.734	604.247.080.135	-	25.529.782.572

(1) Trong năm, Công ty ký hợp đồng hợp tác hỗ trợ các nhà đầu tư mua chứng khoán của các ngân hàng theo chỉ định cụ thể của Công ty trong từng hợp đồng hợp tác. Công ty cung cấp vốn, sử dụng các chứng khoán trên làm tài sản đảm bảo và hưởng lãi từ các nhà đầu tư theo hợp đồng. Đồng thời, chứng khoán được mua sẽ được phong tỏa tại Công ty Chứng khoán của Ngân hàng có thỏa thuận hợp tác. Đến thời điểm 31/12/2013 số dư khoản phải thu của hoạt động này số tiền 328.527.678.848 đồng được đảm bảo bởi 43.598.624 cổ phiếu LVS (Ngân hàng TMCP Hàng điện Liên Việt) trong các tài khoản cá nhân của nhà đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.

(2) Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư trong đó Công ty cung cấp vốn và hướng lái suất cổ định với tài sản đảm bảo là 25.345.652 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cựu) và 3.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty CP Tập đoàn Intimex. Trong đó số phải thu được đảm bảo bằng cổ phiếu STB có giá trị 209.200.000.000 đồng. Ngoài ra, trong số dư có khoản phải thu của Công ty CP Ô tô Thành số tiền 20.138.962.786 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/2013/BHH-HĐQT ngày 25/12/2013 của Công ty và Hợp đồng ủy thác đầu tư số 63/2011/HĐUTĐT-BSI ngày 01/08/2011, Công ty ủy thác cho Công ty CP Ô tô Thành thực hiện đầu tư vào Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh hoặc khách sạn, bất động sản tại số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh để làm trụ sở văn phòng của Công ty.

(3) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

(4) Tiền chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an theo Công văn số 829/CAHK/ĐTTH ngày 31/07/2013 để khắc phục hậu quả sai phạm của nhân viên môi giới. Hiện vụ án vẫn đang được tiếp tục điều tra.

6.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	6.185.929.593
Phải thu phí bán của khách hàng	6.387.459	17.828.621
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	777.657.637	9.740.936.278
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	3.956.006.172	7.248.470.082
Cộng	4.740.051.268	23.193.164.574

6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Số dư đầu năm	(15.330.952.550)	(2.803.500.000)
Số sử dụng trong năm	1.980.879.353	-
Số trích lập trong năm	(12.179.709.375)	(12.527.452.550)
Số dư cuối năm	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)

7. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	1.500.739.651
Tiền nộp bổ sung	2.250.397.707	315.686.498
Tiền lãi phân bổ	475.222.426	194.501.197
Cộng	2.849.832.408	2.010.927.346

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.063.000.000	1.000.075.000
Cộng	3.063.000.000	1.000.075.000

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND	MÁY MÓC, THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN VND	THIẾT BỊ QUẢN LÝ VND	TSCĐ KHÁC VND	CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2013	5.678.970.184	5.033.672.265	3.254.841.877	11.478.500	6.119.885.558	20.098.848.384
Tăng do mua mới	150.000.000	-	-	-	350.354.224	500.354.224
Thanh lý, nhượng bán	-	(410.686.000)	-	-	-	(410.686.000)
Giảm khác (*)	(14.935.360)	(87.132.062)	-	(11.478.500)	(1.010.540.569)	(1.124.086.491)
Tại 31/12/2013	5.814.034.824	4.535.854.203	3.254.841.877	-	5.459.699.213	19.064.430.117
HAO MÔN LUYỆN KẾ						
Tại 01/01/2013	(2.767.256.696)	(4.340.185.153)	(1.754.455.207)	(2.125.647)	(6.057.852.209)	(14.921.874.912)
Trích KH trong năm	(555.492.003)	(511.679.420)	(411.671.577)	(1.913.082)	(117.827.753)	(1.598.583.835)
Thanh lý, nhượng bán	-	337.349.211	-	-	-	337.349.211
Giảm khác (*)	8.089.978	72.368.918	-	4.038.729	1.007.942.601	1.092.440.226
Tại 31/12/2013	(3.314.658.721)	(4.442.146.444)	(2.166.126.784)	-	(5.167.737.361)	(15.090.669.310)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	2.911.713.488	693.487.112	1.500.386.670	9.352.853	62.033.349	5.176.973.472
Tại 31/12/2013	2.499.376.103	93.707.759	1.088.715.093	-	291.961.852	3.973.760.807

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 428.936.662 đồng.

(*) Giảm tài sản không còn đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND	WEBSITE CÔNG TY VND	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC VND	CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2013	3.852.232.840	168.955.500	285.811.981	4.307.000.321
Tăng do mua mới	421.076.000	-	-	421.076.000
Giảm khác (*)	-	-	(38.415.500)	(38.415.500)
Tại 31/12/2013	4.273.308.840	168.955.500	247.396.481	4.689.660.821
HAO MÒN LUYỄN KẾ				
Tại 01/01/2013	(1.927.645.155)	(168.955.500)	(285.811.981)	(2.382.412.636)
Trích KH trong năm	(1.062.853.899)	-	-	(1.062.853.899)
Giảm khác (*)	-	-	38.415.500	38.415.500
Tại 31/12/2013	(2.990.499.054)	(168.955.500)	(247.396.481)	(3.406.851.035)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2013	1.924.587.685	-	-	1.924.587.685
Tại 31/12/2013	1.282.809.786	-	-	1.282.809.786

(*) Giảm tài sản không còn đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TTBTC ngày 25/04/2013.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VND	CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2013	3.514.818.000	3.514.818.000
Tại 31/12/2013	3.514.818.000	3.514.818.000
HAO MÒN LUYỄN KẾ		
Tại 01/01/2013	(1.347.346.900)	(1.347.346.900)
Trích KH trong năm	(351.481.800)	(351.481.800)
Tại 31/12/2013	(1.698.828.700)	(1.698.828.700)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	2.167.471.100	2.167.471.100
Tại 31/12/2013	1.815.989.300	1.815.989.300

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	TẠI 01/01/ 2013 VND	SỐ VAY TRONG KỲ VND	SỐ ĐÃ TRẢ TRONG KỲ VND	TẠI 31/12/ 2013 VND
Vay ngắn hạn	223.619.465.064	306.500.000.000	422.619.465.064	107.500.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng	14.850.000.000	306.500.000.000	213.850.000.000	107.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (1)	14.850.000.000	306.500.000.000	213.850.000.000	107.500.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	208.769.465.064	-	208.769.465.064	-
+ Ngân hàng TMCP Nam Á (2)	208.769.465.064	-	208.769.465.064	-
Vay dài hạn đến hạn trả	174.000.000	329.061.000.000	174.000.000	329.061.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	-	329.061.000.000	-	329.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (3)	-	329.061.000.000	-	329.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	174.000.000	61.000.000	174.000.000	61.000.000
Cộng	223.793.465.064	635.561.000.000	422.793.465.064	436.561.000.000

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 với số gốc vay 107.500.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 12%/năm và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 12/12/2013 đến 12/12/2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 25).

(2) Khoản vay theo hợp đồng mua trái phiếu số 02/TP-BSI & NAB ngày 24/02/2010 giữa Công ty CP Chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Nam Á. Số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 300.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 300 tỷ đồng. Mục đích sử dụng nguồn thu: sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả một lần cho nhà đầu tư vào ngày đáo hạn của trái phiếu.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (Bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Thuế GTGT	1.536.365	5.500.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	205.621.892	485.808.235
Cộng	207.158.257	491.308.235

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Trích trước chi phí lãi trái phiếu	-	28.972.222.222
Trích trước chi phí quản lý cổ đông	19.781.720	-
Cộng	19.781.720	28.972.222.222

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Kinh phí công đoàn	38.176.128	114.607.388
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.773.022.653	1.172.953.709.820
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Liên Việt (1)	-	27.300.000.000
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Gia Định SG (1)	-	41.000.000.000
Phải trả vốn gốc cầm cố ngân hàng - Southernbank SG (1)	-	14.000.000.000
Phải trả cổ tức công ty BETA	1.466.400.000	1.466.400.000
Phải trả Công ty Cổ phần đầu tư Huy Khánh	-	5.800.000.000
Phải trả khác cho nhà đầu tư	306.622.653	98.602.320
Phải trả cho nhà đầu tư (2)	-	1.083.288.707.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.175.290.286	3.835.244.372
Cộng	9.986.489.067	1.176.903.561.580

(1) Công ty đứng ra xác nhận số dư chứng khoán hiện có của nhà đầu tư để ngân hàng cho nhà đầu tư vay, sử dụng chứng khoán hiện làm tài sản thế chấp. Công ty quản lý chứng khoán theo yêu cầu của Ngân hàng.

(2) Công ty ký hợp đồng hợp tác về tư vấn tài chính và khai thác, sử dụng tài sản với Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam. Theo đó, Công ty thực hiện nghiệp vụ tư vấn tài chính cũng như tư vấn, môi giới, đầu tư về chứng khoán nhằm cơ cấu lại nợ tồn đọng hoặc xử lý tài sản của các đối tượng theo chỉ định Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam. Các nhà đầu tư này được Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam chỉ định cụ thể trong phụ lục hợp đồng đã ký kết.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	TẠI 31/12/ 2013 VND	TẠI 01/01/ 2013 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	20.533.444	273.967.017
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	60.756.346	85.856.668
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.252.516.000	6.823.314.000
Cộng	1.333.805.790	7.183.137.685

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	TẠI 31/12/ 2013 VND	SỐ VAY TRONG KỶ VND	SỐ ĐÃ TRẢ TRONG KỶ VND	TẠI 31/12/ 2013 VND
Vay dài hạn ngân hàng	61.000.000	-	61.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61.000.000	-	61.000.000	-
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	461.000.000,000	-	461.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (1)	361.000.000.000	-	361.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (2)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Cộng	461.061.000.000	-	461.061.000.000	-

(1) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014. Lãi suất thả nổi. Tiền lãi được trả 3 tháng/lần vào cuối kỳ trả lãi. Tại 31/12/2013 toàn bộ số gốc còn lại của khoản vay số tiền 329.000.000.000 đồng đã được phân loại lại sang chỉ tiêu vay ngắn hạn trên Báo cáo tài chính.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu số 01/TP-BSI&GDB/2011 ngày 10/5/2011 giữa Công ty CP chứng khoán Beta và Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 20 trái phiếu, với tổng giá trị là 200 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng, đáo hạn vào ngày 16/05/2013. Lãi suất 18%/năm, thay đổi 3 tháng/lần theo thoả thuận giữa hai bên. Tiền lãi được trả vào ngày đáo hạn trái phiếu cùng với tiền gốc của trái phiếu.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH		TẠI 31/12/2013
	SỐ VỐN CAM KẾT GÓP VND	TỶ LỆ %	SỐ VỐN THỰC GÓP VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	106.497.660.000	26.62%	106.497.660.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18.46%	73.843.300.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12.78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9.21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	33.000.000.000	8.25%	33.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7.50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6.48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	42.754.040.000	10.69%	42.754.040.000
Cộng	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

18.2. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	NĂM 2013 SỐ TĂNG/(GIẢM) VND	NĂM 2013 SỐ TĂNG/(GIẢM) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(368.357.000)	(289.564.000)
- Trích quỹ khen thưởng	(368.357.000)	(289.564.000)
- Chi phí truy thu thuế (*)	(1.904.611.971)	-
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế tăng trong năm	(26.292.042.497)	7.367.142.052
Cộng	(29.670.082.468)	6.208.886.052

(*) Chi phí truy thu thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

19. DOANH THU

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.744.690.819	9.801.621.320
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	9.198.748.781	82.125.030.366
- Cổ tức nhận được	4.567.035.613	11.431.212.645
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.631.713.168	70.693.817.721
Doanh thu lưu ký chứng khoán	554.752.577	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	94.545.455	182.286.566
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	23.556.000	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	49.903.030
Doanh thu khác	127.278.132.557	289.618.678.708
Cộng	139.894.426.189	381.777.519.990

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	30.997.724
Cộng	-	30.997.724

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	703.011.468	2.384.642.036
Phí Lưu ký chứng khoán	770.728.335	703.779.723
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	2.368.298.431	3.696.152.054
Chi phí trả lãi tiền vay	130.263.732.365	312.821.696.399
Chi phí dự phòng	(2.106.549.856)	14.863.834.783
Chi phí tư vấn, môi giới	40.000.000	58.822.900
Chi phí khác	5.407.241.737	7.364.337.354
Cộng	137.446.462.480	341.893.265.249

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.303.376.539	6.676.031.433
Chi phí vật liệu quản lý	247.022.094	278.177.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.026.913	796.168.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.640.238.206	3.180.102.083
Thuế phí, lệ phí	130.569.650	72.337.620
Chi phí dự phòng	10.198.830.022	12.527.452.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.450.267.732	6.978.628.491
Chi phí bằng tiền khác	1.645.745.565	2.125.732.417
Cộng	27.794.076.721	32.634.629.679

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.292.042.497)	7.367.142.052
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.518.356.042)	(10.688.560.922)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.048.679.571	742.651.723
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.567.035.613)	(11.431.212.645)
Tổng thu nhập chịu thuế	(28.810.398.539)	(3.321.418.870)
Thuế suất thuế TNDN	25.00%	25.00%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

24. CHI PHÍ KHÁC

	NĂM 2013 VND	NĂM 2012 VND
Chi phí phạt vi phạm thuế (*)	1.018.040.461	-
Chi phí khác	73.345.789	17
Cộng	1.091.386.250	17

(*) Chi phí phạt thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

1.018.040.461 đồng.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	TẠI 31/12/ 2013 VND	GIÁ TRỊ GHI SỔ TẠI 01/01/ 2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	87.233.199.189
- Cổ phiếu niêm yết	55.749.239.565	87.233.199.189
- Cổ phiếu chưa niêm yết	415.800	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	2.045.244.382.391
Đầu tư chứng khoán dài hạn	20.000.000.000	25.824.000.000
Tài sản tài chính khác	129.751.398.657	127.814.127.346
	827.367.152.418	2.305.004.043.451
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	436.561.000.000	684.854.465.064
Phải trả người bán	55.634.800	41.131.376
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	7.183.137.685
Chi phí phải trả	19.781.720	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.001.284.676	1.176.799.412.887
	447.971.506.986	1.897.850.369.234
Trạng thái ròng	379.395.645.432	407.153.674.217

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm: 10.009.300 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) trong đó:

- 3.240.894 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên sở hữu.
- 5.598.825 cổ phiếu STB do Bà Phạm Thị Ngọc Quyên đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 419.600 cổ phiếu STB do Bà Lê Nguyễn Tường Vy đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 375.850 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Hải đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 212.461 cổ phiếu STB do Bà Đỗ Thị Hồng đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 161.670 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 145.134.850.000 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty ký các cam kết mua lại cổ phiếu với chính các tổ chức phát hành đối với cổ phiếu có trong tài khoản của các cá nhân đang hợp tác thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và cầm cố chứng khoán, cụ thể: thực hiện ký hợp đồng cam kết mua lại với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đối với 43.598.624 cổ phiếu LVS. Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân, tài sản thế chấp là 25.345.652 cổ phiếu mã STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư) và 3.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO	TRÊN 1 NĂM	TỪ 1-5 NĂM	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Vay và nợ	-	436.561.000.000	-	436.561.000.000
Phải trả người bán	55.634.800	-	-	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	-	-	1.333.805.790
Chi phí phải trả	19.781.720	-	-	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.001.284.676	-	-	10.001.284.676
	11.410.506.986	436.561.000.000	-	447.971.506.986
01/01/2013				
Vay và nợ	-	223.793.465.064	461.061.000.000	684.854.465.064
Phải trả người bán	41.131.376	-	-	41.131.376
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.183.137.685	-	-	7.183.137.685
Chi phí phải trả	-	28.972.222.222	-	28.972.222.222
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.176.799.412.887	-	-	1.176.799.412.887
	1.184.023.681.948	252.765.687.286	461.061.000.000	1.897.850.369.234

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO	DƯỚI 1 NĂM	TỪ 1-5 NĂM	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	-	-	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	-	-	55.749.655.365
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	-	-	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	5.912.832.408	-	123.838.566.249	129.751.398.657
	683.528.586.169	-	143.838.566.249	827.367.152.418
01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.888.334.525	-	-	18.888.334.525
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87.233.199.189	-	-	87.233.199.189
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.045.244.382.391	-	-	2.045.244.382.391
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	25.824.000.000	25.824.000.000
Tài sản tài chính khác	3.011.002.346	-	124.803.125.000	127.814.127.346
	2.154.376.918.451	-	150.627.125.000	2.305.004.043.451

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND
Ngân hàng TMCP Nam Á	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay Trả nợ vay trái phiếu	10.401.472.894 208.769.465.064
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn Thành viên HĐQT Ban Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	3.035.393.000 539.669.000
Bà Phan Thị Yên Hà	Cổ đông lớn	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	1.648.810.000 3.196.010.000
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	4.639.780.000 7.212.258.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	1.130.860.000 977.402.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay Vay ngắn hạn Trả nợ vay Trả nợ vay trái phiếu	21.814.751.024 306.500.000.000 213.850.000.000 100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay Vay bằng trái phiếu Trả nợ vay trái phiếu	38.009.205.479 - 32.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Giá trị giao dịch bán chứng khoán Chuyển tiền ủy thác đầu tư Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	26.781.136.000 63.948.300.000 67.148.300.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Chuyển tiền ủy thác đầu tư Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	40.000.000.000 6.000.000.000

THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	423.341.740	347.811.312
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.343.200.923	736.040.000
	1.766.542.663	1.083.851.312

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	TẠI 31/12/2013	
			Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bản Việt	Giao dịch lớn Cổ đông lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	107.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Số dư trái phiếu phát hành	-	329.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thị Tâm	Thành viên HĐQT	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.198.994.455	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	47.000.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	240.691.803	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	200.000.000	-

27. THÔNG TIN KHÁC

Công ty ký hợp đồng hợp tác về việc Tư vấn tài chính và khai thác, sử dụng tài sản với hạn mức là 1.200 tỷ đồng với Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam (“Công ty Phương Nam”). Ngày 03/12/2012, Công ty ký Phụ lục hợp đồng hợp tác về việc Công ty Phương Nam chuyển cho Công ty, số tiền 1.011.238.000.000 đồng cho một số khách hàng do Công ty Phương Nam chỉ định và các khách hàng này dùng cổ phiếu PNB (Ngân hàng TMCP Phương Nam) làm tài sản đảm bảo cho khoản nợ này. Số cổ phiếu làm tài sản đảm bảo được phong tỏa và quản lý tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam. Số tiền nhận của Công ty Phương Nam đang được phản ánh tại khoản mục phải trả khác và số tiền giải ngân cho các nhà đầu tư do Công ty Phương Nam chỉ định đang được phản ánh ở khoản mục phải thu khác trên Báo cáo tài chính năm 2012. Đến năm 2013, Công ty đã loại trừ các khoản theo dõi này trên danh mục Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 của Công ty và thực hiện theo dõi riêng, số dư các khoản còn phải thu hộ, trả hộ tại 31/12/2013 số tiền 569.995.446.478 đồng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.



HUỖNH VĂN TỐT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014



NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH TUYẾT MAI
NGƯỜI LẬP BIỂU







Hội sở

Tầng 4 & 5, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn
Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 2929

Fax: (84-8) 3914 3435

Email: support@bsi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 88 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 5345

Fax: (84-4) 3939 3239

Email: support@bsi.com.vn